TỪ NGỮ

1. **Phương tiện và tương tự**
   Đề cập đến các phương tiện và xe điện.
2. **Phương tiện**
   Đề cập đến ô tô, xe đạp máy, xe hạng nhẹ và xe buýt điện.
   ▶ Xe buýt điện là loại phương tiện được sử dụng để vận chuyển người ngắm cảnh. Ở Nhật Bản, các xe này đi trên những con đường chuyên biệt (Giữa Murodo và Daikanbo, tỉnh Toyama) và không sử dụng đường công cộng. Do đó, tài liệu liên quan đến xe buýt điện không được bao gồm trong cuốn sách này.

3. **Ô tô**
   Ô tô là một xe tự chạy không cần phải đi theo đường ray hoặc dây dẫn trên cao, hoặc là xe có vận hành tự động cụ thể. Thuật ngữ "ô tô" không áp dụng cho xe đạp máy, xe hạng nhẹ, xe di chuyển cỡ nhỏ, xe dành cho người khuyết tật, xe cỡ nhỏ điều khiển từ xa và xe tập đi có bánh, xe nôi hoặc tương tự ("xe tập đi có bánh, v.v.").
4. **Xe đạp máy**
   Xe đạp máy là phương tiện tự chạy, không cần theo đường ray hoặc dây dẫn trên cao, và là một trong các phương tiện sau đây, trừ phương tiện hạng nhẹ, phương tiện cỡ nhỏ để di chuyển, phương tiện dành cho người khuyết tật, phương tiện cỡ nhỏ điều khiển từ xa và xe tập đi có bánh hoặc phương tiện tương tự.
   - **Xe đạp máy bình thông**
     Xe đạp máy bình thông là phương tiện hai bánh hoặc ba bánh sử dụng động cơ có tổng dung tích động cơ từ 50 cc trở xuống hoặc công suất động cơ định mức từ 0,6 kW trở xuống. Đối với phương tiện từ ba bánh trở lên, nếu khoảng cách giữa bánh xe bên trái và bên phải lớn hơn 0,5 mét và có cabin đi kèm, thì đó là phương tiện có tổng dung tích động cơ từ 20 cc trở xuống hoặc công suất động cơ định mức từ 0,25 kW trở xuống. Thuật ngữ này loại trừ những loại phương tiện sau đây.
   - **Xe đạp máy nhỏ được quy định**
     Xe đạp máy nhỏ được quy định là xe đạp máy có kích thước và kết cấu không cản trở việc đi qua của các phương tiện khác trên đường dành cho xe đạp và đáp ứng các tiêu chí theo quy định của pháp luật là những xe không yêu cầu kỹ năng cao để điều khiển (trong số này, những phương tiện đáp ứng tiêu chí do pháp luật quy định như phương tiện có thể đi trên vỉa hè, v.v... được gọi là "xe đạp máy nhỏ được quy định đặc biệt").
5. **Ô tô con**
   Đề cập đến xe cơ giới thông thường có dung tích động cơ từ 50 cc trở xuống hoặc công suất động cơ định mức từ 0,60 kW trở xuống.
6. **Xe hạng nhẹ**
   Đề cập đến xe đạp (bao gồm cả xe đạp "hỗn hợp" được trang bị động cơ điện công suất thấp), xe đẩy, xe kéo, xe trượt tuyết, ngựa và gia súc. (Bao gồm các xe tự chạy như vận tải chở hàng bằng điện được xác định hợp pháp. Xe lăn dành cho người khuyết tật, xe tập đi có bánh hoặc tương tự được coi là người đi bộ.)
7. **Xe đạp**
   Đề cập đến các xe có hai hoặc nhiều bánh xe được người lái truyền động (bao gồm cả xe đạp 'hỗn hợp" có trang bị động cơ công suất thấp). Thuật ngữ "xe đạp" không áp dụng đối với xe lăn dành cho người khuyết tật, xe ô tô trẻ em và xe đẩy trẻ em, xe tập đi có bánh hoặc tương tự.
8. **Xe cỡ nhỏ điều khiển từ xa**
   Xe cỡ nhỏ sử dụng động cơ được điều khiển từ xa để chở người hoặc hàng hóa là xe đáp ứng các tiêu chuẩn quy định về kích thước thân xe, kết cấu, thiết bị, v.v. Trong sách này, trong trường hợp không có giải thích cụ thể, thì là đề cập đến các xe di chuyển trên đường bằng thao tác điều khiển từ xa.
9. **Xe điện (Tàu điện)**
   Đề cập đến các phương tiện chạy trên đường ray trên đường.

Các Loại Phương Tiện và Tương Tự

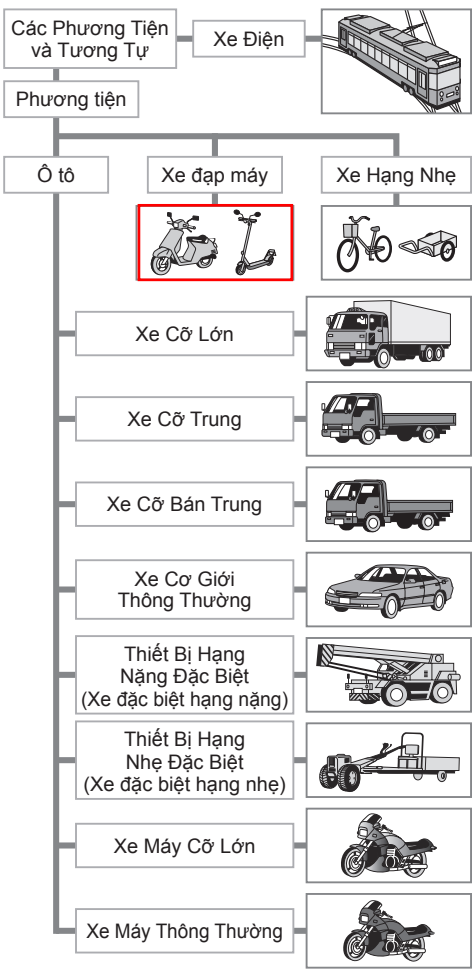

Bài Học 1

Thông Tin Lái Xe Cơ Bản

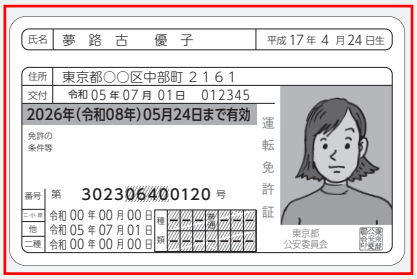

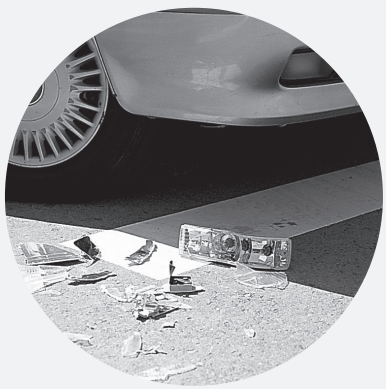

Quan Điểm

Ngày nay, việc lấy giấy phép lái xe khá phổ biến—hầu như mọi người đều có một giấy phép lái xe.

Vì bạn đang đọc cuốn sách này, rất có khả năng bạn hy vọng sẽ lấy được giấy phép lái xe trong tương lai gần. Cần lưu ý rằng mặc dù giấy phép lái xe trên thực tế đã trở thành vật phổ biến và quen thuộc nhưng điều đó không có nghĩa là trách nhiệm liên quan đến việc lái xe đã trở nên ít nghiêm trọng hơn. Khi bạn hiểu rõ các bài học trong cuốn sách này và học tập tiến bộ, hãy luôn nâng cao nhận thức về tầm quan trọng của việc trở thành người lái xe có trách nhiệm và an toàn.

Bây giờ, chúng ta hãy bắt đầu nhé!

3 Quần Áo Lái Xe Phù Hợp

Luật RT 71 (6), Luật RT 71-4 I • II

(1) Xe Bốn Bánh

Bạn nên chọn quần áo sẽ không làm giảm khả năng điều khiển xe của mình. Hơn nữa, bạn không nên đi giày dép như guốc gỗ *geta* hoặc giày cao gót.

(2) Xe Hai Bánh

Để lái xe hai bánh[1], bạn nên đội mũ bảo hiểm xe máy được điều chỉnh chính xác và quần áo làm giảm mức tiếp xúc với da càng nhiều càng tốt và thiết bị bảo hộ. (Người ngồi sau xe máy cỡ lớn hoặc thông thường cũng phải đội mũ bảo hiểm). Quần áo sáng màu mà người lái xe khác dễ nhìn thấy là tốt nhất.

Khi lái xe vào ban đêm, hãy mặc quần áo có vải phản quang hoặc mũ bảo hiểm có miếng dán phản quang dán trên mũ.

Găng tay
- Không nên làm giảm chuyển động ngón tay.
- Được làm bằng vật liệu, chẳng hạn như da, có thể chịu được mài mòn.

Quần áo
- Tiếp xúc với da ở mức tối thiểu.
- Dễ dàng cử động.
- Màu sắc tươi sáng, dễ nhìn thấy.

Mũ bảo hiểm

JIS

Dấu JIS

PSC

Dấu PSC

- Mũ bảo hiểm phải có một trong các dấu trên.
- Mũ bảo hiểm phải có kích thước chính xác vừa với đầu của bạn.

Giày
- Giày cao gót.
- Không có dây buộc hoặc dây thắt.
- Làm bằng da.

*1
Xe hai bánh...
Thuật ngữ này đề cập đến xe máy cỡ lớn, xe máy thông thường và xe đạp máy bình thông.

Gợi Ý Nhanh

Thận Trọng khi Đội Mũ Bảo Hiểm
- Đảm bảo thắt chặt dây đeo cằm.
- Không đội mũ bảo hiểm bị đẩy lùi ra sau trên đầu hoặc hạ thấp xuống mắt.
- Không được tiếp tục sử dụng mũ bảo hiểm liên quan đến vụ va chạm. Ngay cả một tác động mạnh duy nhất cũng sẽ làm giảm đáng kể chức năng của mũ bảo hiểm.

Lưu ý:
Mũ bảo hiểm an toàn thuộc loại công nhân xây dựng không phù hợp dùng khi lái xe máy.

5 Bằng Lái Xe của Bạn và Tài Liệu Khác

Luật RT 95 I, Luật RTV 66 I, Luật MVDI 8

(1) Mang Theo Bằng Lái Xe Bên Mình

Bạn phải mang theo bằng lái xe phù hợp bên mình khi lái xe ô tô hoặc xe đạp máy bình thông.

(2) Cất Giữ Giấy Chứng Nhận Kiểm Định Phương Tiện bên trong Phương Tiện của Bạn

Bạn phải cất giữ giấy chứng nhận kiểm định phương tiện có hiệu lực trong xe ô tô của mình, trừ các loại ô tô nhỏ gọn[1] không thuộc hạng xe kiểm định và thiết bị đặc biệt hạng nhẹ.

(3) Cất Giữ Giấy Bảo Hiểm Trách Nhiệm Chủ Phương Tiện bên trong Phương Tiện của Bạn

Bạn phải cất giữ giấy bảo hiểm trách nhiệm bắt buộc của chủ xe ô tô hoặc giấy chứng nhận bảo hiểm[2] hệ thống hỗ trợ lẫn nhau bên trong xe máy hoặc xe ô tô của bạn, trừ thiết bị đặc biệt hạng nhẹ được sử dụng trong nông nghiệp.

Giấy Chứng Nhận Kiểm Định Phương Tiện Giấy Bảo Hiểm Trách Nhiệm Chủ Phương Tiện Bằng Lái Xe

6 Thiết Bị Khẩn Cấp

Bạn phải luôn bật những thiết bị báo hiệu chẳng hạn như đèn hiệu cảnh báo hoặc đèn nháy đỏ trong ô tô của bạn[3].

Nếu bạn đang có ý định lái xe trên đường cao tốc (đường cao tốc quốc gia hoặc đường ô tô), hãy đảm bảo phương tiện của bạn được trang bị dụng cụ phản quang cảnh báo khẩn cấp (bảng phản quang cảnh báo khẩn cấp hoặc đèn phản quang cảnh báo khẩn cấp) trong trường hợp bạn buộc phải dừng lại trên đường cao tốc do gặp tại nạn, hoặc tình huống tương tự.

Đèn Hiệu Cảnh Báo

Đèn Phản Quang Cảnh Báo Khẩn Cấp

Đèn Nháy Đỏ

Bảng Phản Quang Cảnh Báo Khẩn Cấp

Tiêu Chuẩn An Toàn 43-2, v.v.

7 Hạn Chế Sử Dụng Điện Thoại Di Động Khi Lái Xe

Việc sử dụng điện thoại di động (điện thoại thông minh v.v.) hoặc điện thoại tích hợp trong ô tô khi đang lái xe, hoặc nhìn vào màn hình của hệ thống thống điều hướng ô tô hoặc tivi trên ô tô, có thể khiến bạn không tập trung chú ý vào tình hình giao thông xung quanh và điều này cực kỳ nguy hiểm. Trừ khi bạn đang sử dụng hệ thống lái xe tự động đúng cách trên xe tự lái, không được cố sử dụng điện thoại di động[4] hoặc vật thể tương tự, hoặc xem màn hình hệ thống điều hướng ô tô, v.v., trong khi đang lái xe. Bạn cũng nên nhớ tắt nguồn điện thoại di động trước khi bắt đầu hành trình để đảm bảo điện thoại không đổ chuông khi bạn đang lái xe.

Luật RT 71 (5-5)

Đánh Giá Đánh dấu đúng hay sai cho từng phát biểu sau đây để kiểm tra mức độ hiểu của bạn về phần trước.

1. Dây an toàn có nhiều tác dụng có lợi, như giảm thương tích nếu xảy ra tai nạn và giúp giảm cảm giác mỏi khi lái xe.
2. Khi đi xe máy, bạn nên mặc quần áo để lộ càng nhiều da thịt càng tốt.

▶▶▶ Các câu trả lời đúng được ghi ở trang cuối của cuốn sách.

Gợi Ý Nhanh

Điều kiện lái xe

Bạn phải đeo kính mắt nếu điều này được đề cập trong bằng lái xe của bạn.

*1 **Xe nhỏ gọn ... không thuộc hạng phải kiểm định phương tiện.**

Điều này đề cập đến các phương tiện được miễn yêu cầu kiểm định phương tiện, như xe máy có tổng dung tích động cơ từ 250 cc trở xuống.

*2 **bảo hiểm hệ thống hỗ trợ lẫn nhau…**

Điều này đề cập đến các chương trình hỗ trợ lẫn nhau được triển khai bởi các hợp tác xã nông nghiệp hoặc hợp tác xã tiêu thụ có chung mục đích bảo hiểm trách nhiệm của chủ xe ô tô.

*3 **Ô Tô ...**

Xe hai bánh, thiết bị đặc biệt hạng nặng, thiết bị đặc biệt hạng nhẹ và ô tô được các phương tiện khác kéo được miễn tuân theo yêu cầu này.

*4 **Điện thoại di động...**

Những vật được gọi là điện thoại rảnh tay, nghĩa là bạn không phải cầm điện thoại để thực hiện cuộc gọi, được miễn tuân theo luật cấm này.

Gợi Ý Nhanh

Mối Nguy Hiểm của Việc Sử Dụng Điện Thoại Di Động Khi Đang Lái Xe

① Không quan sát đường mà thay vào đó tìm thiết bị cầm tay, nhấn nút, v.v.
② Khả năng không điều khiển được xe ô tô vì bạn cần thay đổi tư thế để nhấc thiết bị cầm tay lên, v.v.
③ Nguy hiểm khi bạn để tâm trí vào cuộc điện thoại chứ không phải việc lái xe.

1 Các Loại Tín Hiệu và Ý Nghĩa Của Chúng

Luật RT 7

1 Tuân Thủ Tín Hiệu Giao Thông

Người đi bộ, xe cỡ nhỏ điều khiển từ xa cũng như xe và phương tiện tương tự[1] đi trên đường phải tuân theo tín hiệu của đèn tín hiệu giao thông cũng như tín hiệu bằng tay hoặc bằng đèn của cảnh sát hoặc người giám sát giao thông.

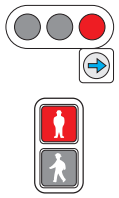

Tín hiệu của đèn tín hiệu giao thông

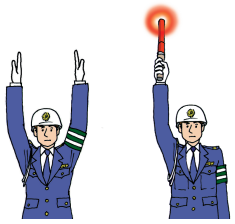

Tín hiệu bằng tay hoặc bằng đèn của cảnh sát hoặc người giám sát giao thông

*1
Các phương tiện và tương tự...
Cụm từ này dùng để chỉ các phương tiện và xe điện.

Pháp Lệnh Thi Hành 2

2 Các Loại Tín Hiệu và Ý Nghĩa Của Chúng

Tín hiệu giao thông chỉ có ý nghĩa đối với xe đối diện trực tiếp. Do đó, người đi bộ, xe cỡ nhỏ điều khiển từ xa và các loại xe tương tự phải tuân theo tín hiệu giao thông ngay trước mặt họ.

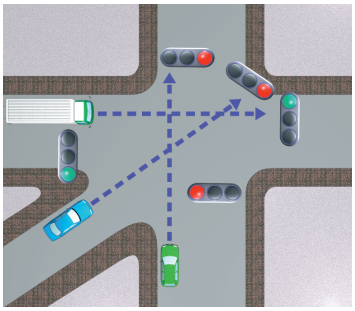

Loại Tín Hiệu	Ý Nghĩa Tín Hiệu
● Đèn Xanh 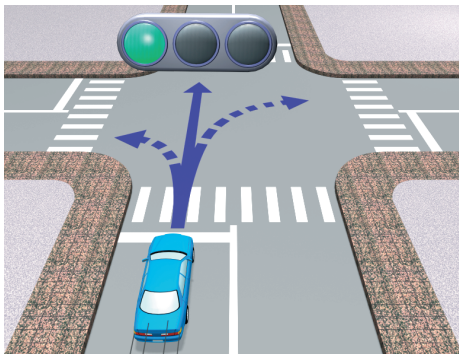	① **Người đi bộ và xe cỡ nhỏ điều khiển từ xa** Bạn có thể tiến lên.
	② **Các phương tiện (trừ xe đạp máy nhỏ được quy định và các phương tiện hạng nhẹ) và xe điện** Bạn có thể[2] tiến thẳng về phía trước hoặc rẽ trái hoặc rẽ phải. Lưu ý rằng xe đạp máy bình thông thực hiện rẽ phải bằng phương thức hai bước[3] nên tiến thẳng tới điểm họ sẽ rẽ phải, đổi hướng tại điểm đó và sau đó đợi tín hiệu trước mặt chuyển sang màu xanh.
• **Rẽ phải bằng phương thức hai bước** 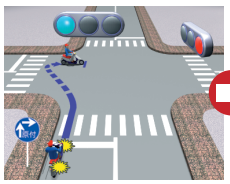 Tiến lên phía đối diện và đổi hướng. 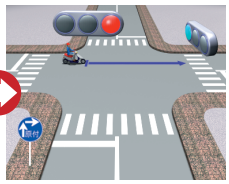 Tiến lên khi tín hiệu trước mặt chuyển sang màu xanh.	③ **Xe đạp máy nhỏ được quy định và xe hạng nhẹ (xe đạp, xe thô sơ)** Bạn có thể tiến thẳng về phía trước hoặc rẽ trái. Để rẽ phải, hãy tiến thẳng tới điểm bạn sẽ rẽ phải, đổi hướng tại điểm đó và sau đó đợi tín hiệu trước mặt chuyển sang màu xanh. (Rẽ phải bằng phương thức hai bước.)

*2
Bạn có thể...
Đèn tín hiệu xanh không có nghĩa là "bạn phải tiến lên." Đèn tín hiệu xanh có nghĩa là "bạn có thể tiến lên" nếu tình hình của người đi bộ và các phương tiện khác trên đường cho phép bạn tiến lên.

*3
Rẽ phải bằng phương thức hai bước
Xe đạp máy bình thông có thể sử dụng "phương thức hai bước" hoặc "phương thức rẽ trực tiếp" để thực hiện rẽ phải. Xem trang 68 để biết thông tin chi tiết.

Loại Tín Hiệu	Ý Nghĩa Tín Hiệu
Đèn Vàng 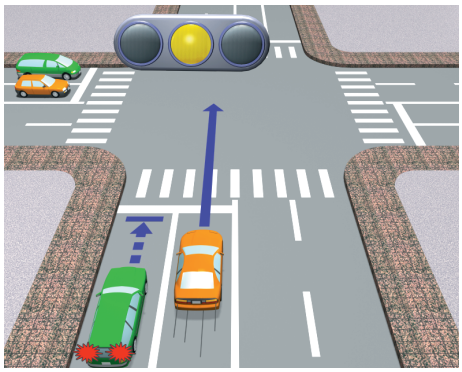	① **Người đi bộ và xe cỡ nhỏ điều khiển từ xa** Bạn không được bắt đầu sang đường. Người đi bộ và xe cỡ nhỏ điều khiển từ xa đang đi sang đường phải ngay lập tức đi sang phía bên kia đường hoặc quay lại bên đường nơi họ bắt đầu. ② **Các phương tiện và xe điện** Bạn không được tiến lên từ vị trí dừng. Tuy nhiên, nếu bạn đã đến gần vị trí dừng mà đèn tín hiệu chuyển sang màu vàng và bạn không thể dừng lại an toàn[1], bạn có thể không cần dừng lại và tiếp tục tiến lên.
Đèn Đỏ 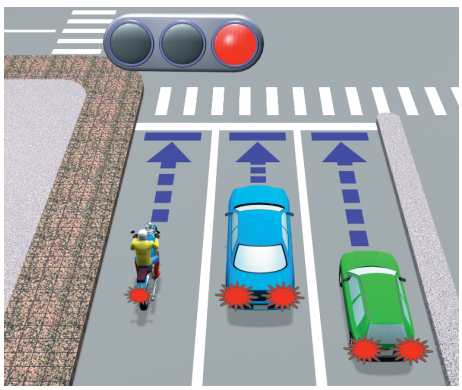	① **Người đi bộ và xe cỡ nhỏ điều khiển từ xa** Bạn không được sang đường. ② **Các phương tiện và xe điện** Bạn không được tiến lên vượt quá vạch dừng. ③ **Các phương tiện và xe điện đã đang rẽ trái tại giao lộ** Bạn có thể tiếp tục tiến lên ngay cả khi tín hiệu bên trái có màu đỏ. ④ **Các phương tiện và xe điện đã đang rẽ phải tại giao lộ** Bạn có thể tiếp tục tiến lên ngay cả khi tín hiệu bên phải có màu đỏ. Trong tình huống này, phương tiện hoặc xe điện không được cản trở các phương tiện đang đi tới hoặc xe điện đang tiến lên tuân theo tín hiệu đèn xanh. Tuy nhiên, xe đạp máy nhỏ được quy định, phương tiện hạng nhẹ và xe đạp máy bình thông rẽ phải bằng phương thức hai bước phải dừng lại tại điểm rẽ phải khi có tín hiệu đèn đỏ bên phải.
• **Xe đang trong quá trình rẽ phải hoặc rẽ trái** 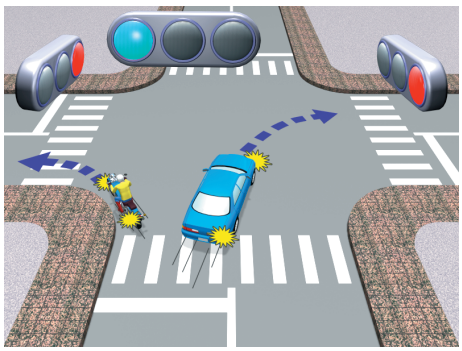	

*1
Không thể dừng lại an toàn
Điều này đề cập đến các tình huống nguy hiểm khi phanh đột ngột có thể dẫn đến:
- Một phương tiện khác va chạm với phương tiện của bạn từ phía sau.
- Phương tiện của bạn trượt bánh hoặc lăn tròn.
- Một tình huống nguy hiểm cho hành khách trong xe của bạn.

Loại Tín Hiệu	Ý Nghĩa Tín Hiệu
Mũi Tên Xanh 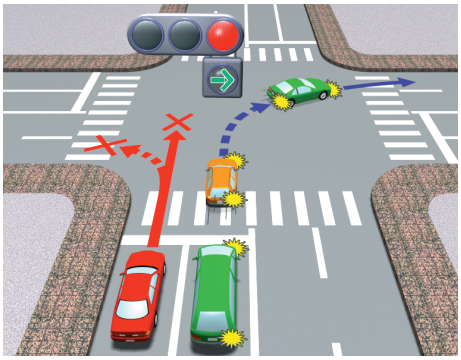	① **Các phương tiện** Bạn có thể tiến lên theo hướng chỉ dẫn của mũi tên. (Nếu mũi tên màu xanh chỉ sang bên phải, bạn cũng có thể quay đầu xe.) Tuy nhiên, nếu mũi tên màu xanh chỉ sang bên phải, xe đạp máy nhỏ được quy định, phương tiện hạng nhẹ và xe đạp máy bình thông rẽ phải bằng phương thức hai bước không được tiến lên.
Mũi Tên Vàng 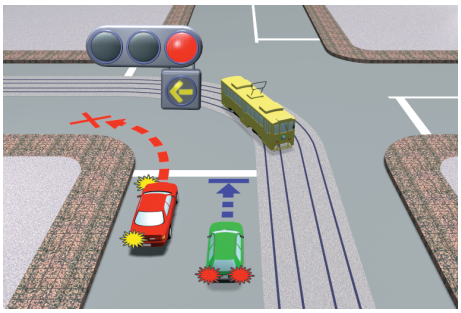	① **Xe điện** Xe điện có thể tiến lên theo hướng chỉ dẫn của mũi tên. Tín hiệu mũi tên màu vàng chỉ áp dụng cho xe điện. Người đi bộ, xe cỡ nhỏ điều khiển từ xa và xe không được đi tiếp.
Đèn Vàng Nhấp Nháy 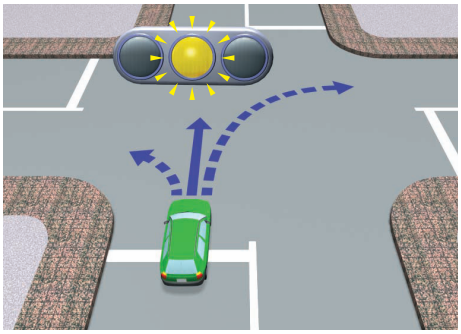	① **Người đi bộ, xe cỡ nhỏ điều khiển từ xa, xe và xe điện** Bạn có thể tiến lên đồng thời quan sát thận trọng các phương tiện khác.
Đèn Đỏ Nhấp Nháy 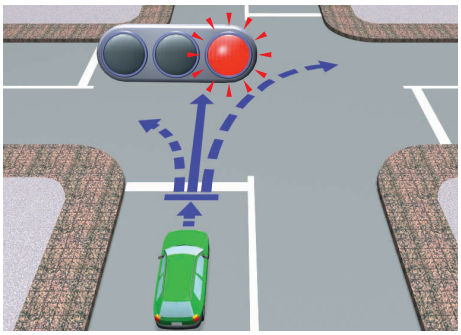	① **Người đi bộ và xe cỡ nhỏ điều khiển từ xa** Bạn có thể tiến lên đồng thời quan sát thận trọng các phương tiện khác. ② **Các phương tiện và xe điện** Sau khi dừng tại vị trí dừng, bạn có thể tiến lên sau khi kiểm tra để đảm bảo an toàn khi tiến lên.

● Tín Hiệu dành cho Các Loại Phương Tiện Cụ Thể

Một số tín hiệu giao thông chỉ áp dụng cho các loại phương tiện cụ thể, và điều này được biểu thị bằng thiết kế của tín hiệu hoặc thể hiện trên biển báo hiệu.

① Đèn Tín Hiệu có Vẽ Hình Người

Đèn tín hiệu giao thông có vẽ hình người chỉ áp dụng cho người đi bộ, phương tiện cỡ nhỏ điều khiển từ xa và cho xe đạp máy nhỏ được quy định đặc biệt và xe đạp thông thường[1] tiếp cận đường dành cho người đi bộ sang đường.

Ngoài ra, nếu đèn tín hiệu giao thông đi kèm với biển báo biểu thị "chỉ dành cho người đi bộ và xe đạp[2]", người đi bộ, xe đạp máy nhỏ được quy định và người đi xe đạp khác cũng phải tuân theo tín hiệu.

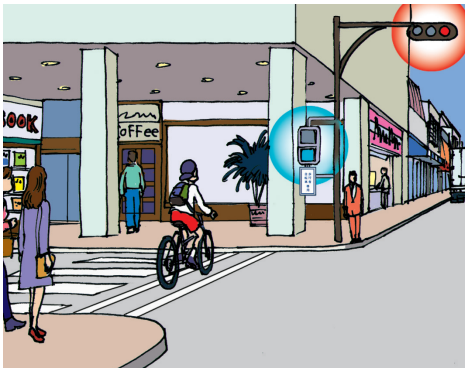

Một số đèn tín hiệu giao thông chỉ dành cho người đi bộ (hoặc chỉ dành cho người đi bộ và xe đạp) chuyển sang màu xanh trước đèn tín hiệu giao thông dành cho các phương tiện. Bạn nên chú ý đến điều này và cẩn thận trước khi tiến lên.

*1
Xe đạp thông thường
Xe đạp có kích thước và kết cấu thân đáp ứng các yêu cầu nhất định. Tham khảo Trang 50 để biết thêm chi tiết.

*2
Biển báo hiệu biểu thị "chỉ dành cho người đi bộ và xe đạp"

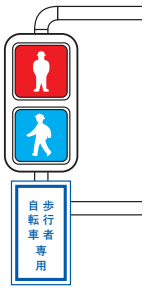

• Các Loại Đèn Tín Hiệu có Vẽ Hình Người và Ý Nghĩa

Loại Tín Hiệu	Đèn Xanh	Đèn Xanh Nhấp Nháy	Đèn Đỏ
	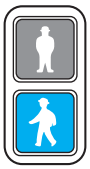	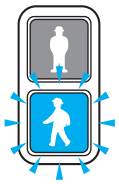	
Ý Nghĩa Tín Hiệu	Người đi bộ và xe cỡ nhỏ điều khiển từ xa có thể đi tiếp. Xe đạp máy nhỏ được quy định đặc biệt và xe đạp thông thường đang đi qua đường dành cho người đi bộ có thể đi thẳng về phía trước hoặc rẽ trái. Người đi xe đạp muốn rẽ phải có thể đi thẳng tới điểm mà họ sẽ rẽ phải và đổi hướng tại điểm đó.	Người đi bộ và xe cỡ nhỏ điều khiển từ xa không được bắt đầu băng qua đường. Người đi bộ và xe cỡ nhỏ điều khiển từ xa đang đi sang đường phải ngay lập tức đi sang phía bên kia đường hoặc quay lại bên đường nơi họ bắt đầu. Người đi xe đạp máy nhỏ được quy định đặc biệt và xe đạp thông thường muốn tiếp cận đường dành cho người đi bộ không được bắt đầu sang đường.	Người đi bộ và xe cỡ nhỏ điều khiển từ xa không được băng qua đường. Người đi xe đạp máy nhỏ được quy định đặc biệt và xe đạp thông thường muốn tiếp cận đường dành cho người đi bộ không được bắt đầu sang đường.

② Đèn Tín Hiệu có Biển Báo Hiệu "Chỉ Dành Cho Xe Buýt"

Nếu đèn tín hiệu giao thông đi kèm với biển báo hiệu dành cho một loại phương tiện, chẳng hạn như "chỉ dành cho xe buýt," thì chỉ loại phương tiện được chỉ định trên biển báo hiệu mới phải tuân theo biển báo hiệu đó.

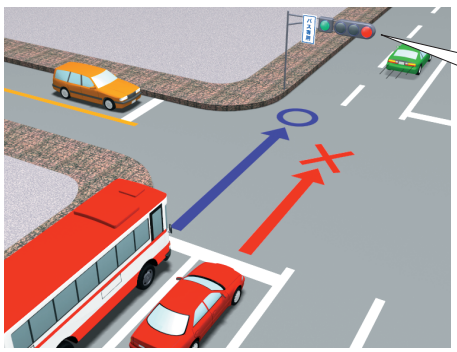

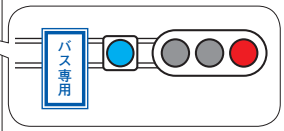

Luật RT 6 I

4 Khi Tín Hiệu Bằng Tay và Đèn Tín Hiệu Giao Thông Mâu Thuẫn Với Nhau

Cảnh sát hoặc người giám sát giao thông có thể ra tín hiệu bằng tay, v.v.[1] mâu thuẫn với đèn tín hiệu giao thông nếu họ thấy cần thiết để ngăn chặn nguy hiểm, đảm bảo an toàn giao thông hoặc thúc đẩy giao thông lưu thông.

Trong những tình huống như vậy, bạn phải tuân theo các tín hiệu bằng tay, v.v., của cảnh sát hoặc người giám sát giao thông.

*1
Tín hiệu bằng tay, v.v.
Tín hiệu bằng tay hoặc bằng đèn của cảnh sát hoặc người giám sát giao thông.

Pháp Lệnh Thi Hành 2 II • 4 II • 5 II

5 Biển Báo Hiệu "Được Phép Rẽ Trái"

Nếu biển báo hiệu hiển thị mũi tên màu xanh chỉ sang trái trên nền trắng (được phép rẽ trái) được gắn ở bên trái đường hoặc trên đèn tín hiệu giao thông, các phương tiện có thể rẽ trái, **chú ý quan sát người đi bộ và các phương tiện khác**, ngay cả khi đèn tín hiệu phía trước họ là màu đỏ hoặc màu vàng. (Điều này cũng áp dụng cho các tình huống mà cảnh sát, v.v., ra tín hiệu bằng tay, v.v., có ý nghĩa giống với đèn tín hiệu màu đỏ hoặc màu vàng.)

Khi rẽ trái như mô tả ở trên, bạn không được cản trở người đi bộ, xe đạp máy nhỏ được quy định hoặc người đi xe đạp đi sang đường khi có tín hiệu.

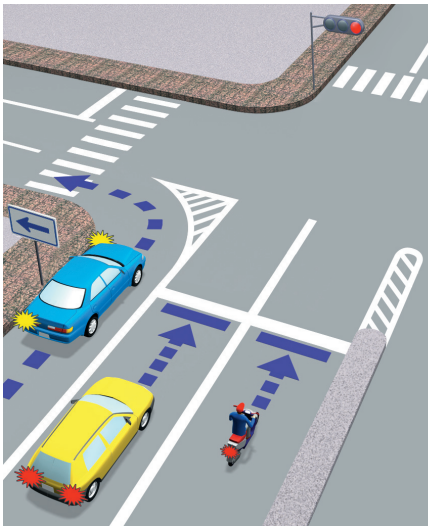

Gợi Ý Nhanh

Đừng nhầm lẫn giữa những tín hiệu này!

① Biển báo hiệu "được phép rẽ trái" là mũi tên màu xanh trên nền trắng.

② Biển báo hiệu "đường một chiều" là mũi tên màu trắng trên nền màu xanh.

Đánh Giá

Đánh dấu đúng hay sai cho từng phát biểu sau đây để kiểm tra mức độ hiểu của bạn về phần trước.

1. Đèn xanh có nghĩa là tất cả các phương tiện có thể tiến thẳng về phía trước hoặc rẽ sang trái hoặc rẽ phải.
2. Cảnh sát ra tín hiệu bằng tay chỉ sang bên phải có ý nghĩa tương tự như đèn vàng đối với các xe tiến lên theo các hướng chỉ dẫn của các mũi tên.
3. Tại giao lộ có đèn tín hiệu giao thông và vạch dừng được đánh dấu trên đường, bạn nên dừng ngay trước vạch dừng.

▶ ▶ ▶ Các câu trả lời đúng được ghi ở trang cuối của cuốn sách.

Thực Hành

Trong khi chờ rẽ phải ở giữa giao lộ, đèn tín hiệu chuyển sang màu đỏ. Bạn nên làm gì?

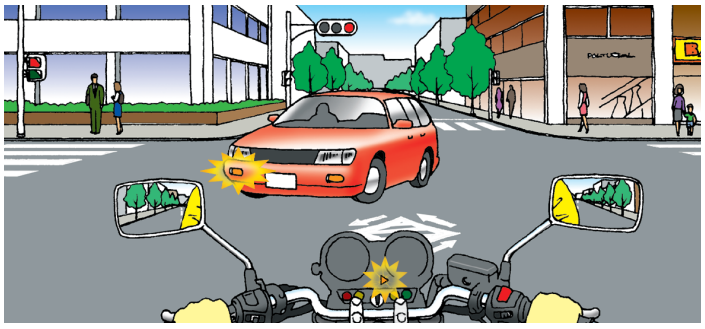

Câu trả lời ở trang 351.

7. Không Cho Phép Các Phương Tiện Chở Khách Cỡ Lớn, v.v.

Đường cấm các phương tiện chở khách cỡ lớn và các phương tiện chở khách cỡ trung được chỉ định.

(306)

8. Cấm Phương Tiện Hai Bánh và Xe Đạp Máy Bình Thông

Đường cấm các phương tiện hai bánh và xe đạp máy bình thông.

(307)

9. Cấm Các Phương Tiện Hạng Nhẹ Trừ Xe Đạp

Đường cho phép đi xe đạp nhưng cấm các phương tiện hạng nhẹ khác như xe đẩy và xe kéo.

(308)

10. Cấm Xe Đạp Máy Nhỏ Được Quy Định và Xe Đạp

Đường cấm xe đạp máy nhỏ được quy định và xe đạp.

(309)

11. Cấm Các Xe Nêu Rõ

Đường cấm các loại phương tiện trên biển báo. (Trong trường hợp này, đường cấm ô tô và xe đạp máy bình thông.)

(310)

12. Không Cho Phép Đi Hai Người Trên Xe Máy Cỡ Lớn Hoặc Xe Máy Thông Thường

Cấm đi hai người trên xe máy cỡ lớn hoặc xe máy thông thường. (Không áp dụng cho xe máy có thùng.)

(310-2)

13. Cấm Các Phương Tiện Không Gắn Xích Tuyết

Đường cấm các phương tiện không gắn xích tuyết.

(310-3)

14. Chỉ Tiến Hành Theo Các Hướng Chỉ Định

Xe không được đi theo hướng khác với hướng mũi tên.

Cấm Rẽ Phải

Cấm Đi Thẳng và Rẽ Phải

Cấm Rẽ Trái và Rẽ Phải

Cấm Đi Thẳng

Cấm Rẽ Trái vào Đường Chéo

Cấm Đi Bên Phải của Biển Báo

(311-A~F)

15. Cấm Phương Tiện Đi Sang Đường

Các phương tiện không được đi sang đường. (Tuy nhiên, được phép đi sang đường khi rẽ trái để vào hoặc rời khỏi một cơ sở hoặc địa điểm nằm ngoài đường.)

(312)

16. Cấm Quay Đầu

Các phương tiện không được quay đầu.

(313)

17. Cấm Đi Vào Phần Đường Bên Phải Để Vượt Xe

Các phương tiện không được đi vào phần đường bên phải để vượt phương tiện phía trước.

(314)

18. Cấm Vượt

追越し禁止

Các phương tiện không được vượt phương tiện phía trước.

(314-2)

19. Không Đỗ Xe Hoặc Dừng Xe

Các phương tiện không được đỗ hoặc dừng. (Các con số cho biết khoảng thời gian cấm đỗ xe hoặc dừng xe. Trong trường hợp này, không được phép đỗ xe hoặc dừng xe trong khoảng thời gian từ 8:00 sáng đến 8:00 tối.)

(315)

20. Cấm Đỗ Xe

Các phương tiện không được đỗ.

(316)

21. Chỗ Đỗ Xe Chỉ Định

Các phương tiện không được đỗ trừ khi chừa một khoảng trống ở bên phải của xe như được chỉ định trên biển báo phụ.

(317)

22. Khu Vực Đỗ Xe Có Giới Hạn Thời Gian

Biểu thị một khu vực nơi mà một phương tiện có thể đỗ liên tục đến giới hạn thời gian tối đa theo chỉ định. Các phương tiện không được phép đỗ quá thời gian quy định. (Trong trường hợp này, các phương tiện có thể đỗ tới 60 phút trong khoảng thời gian từ 8:00 sáng đến 8:00 tối.)

(318)

Những biển báo này biểu thị một khu vực đỗ xe giới hạn thời gian được trang bị đồng hồ đo thời gian đỗ xe hoặc máy phát "vé đỗ xe" (cho phép một người đỗ xe ở một vị trí được chỉ định trong một khoảng thời gian cụ thể) được đặt theo hướng chỉ định của mũi tên.

23. Cấm Các Chất Nguy Hiểm

Đường cấm các phương tiện vận chuyển các chất nguy hiểm như vật liệu dễ cháy, nổ, độc hại hoặc nguy hiểm.

(319)

24. Giới Hạn Trọng Lượng Tối Đa

Cấm xe có tổng trọng lượng (tổng trọng lượng xe, trọng lượng hàng hóa và trọng lượng hành khách) vượt quá giới hạn trọng lượng chỉ định.

(320)

25. Giới Hạn Chiều Cao Tối Đa

Cấm các phương tiện có tổng chiều cao so với mặt đất (bao gồm cả chiều cao của bất kỳ loại hàng hóa nào trên xe) vượt quá giới hạn chiều cao chỉ định.

(321)

26. Giới Hạn Chiều Rộng Tối Đa

Cấm các phương tiện có chiều rộng (bao gồm cả chiều rộng của bất kỳ loại hàng hóa nào trên xe) vượt quá giới hạn chiều rộng chỉ định.

(322)

27. Giới Hạn Tốc Độ Tối Đa

Các phương tiện và xe điện không được vượt quá giới hạn tốc độ chỉ định.
Tuy nhiên, các loại phương tiện sau không được vượt quá tốc độ tối đa được chỉ định cho các loại phương tiện trong Pháp Lệnh Thi Hành Luật Giao Thông Đường Bộ ngay cả khi giới hạn tốc độ chỉ định cao hơn.

① Xe đạp máy

② Các phương tiện khác ngoài xe đang kéo một phương tiện khác.

(323)

28. Giới Hạn Tốc Độ Tối Đa Cho Loại Phương Tiện Được Chỉ Định Trên Biển Báo

Loại phương tiện được chỉ định trên biển báo phụ không được vượt quá giới hạn tốc độ chỉ định.

(323-2)

29. Giới Hạn Tốc Độ Tối Thiểu

Các phương tiện không được tiến lên ở tốc độ thấp hơn tốc độ chỉ định.

(324)

30. Chỉ Dành Cho Xe Ô Tô

Chỉ rõ Đường Cao Tốc Quốc Gia hoặc đường ô tô.

(325)

31. Chỉ Dành Cho Xe Đạp Máy Nhỏ Được Quy Định và Xe Đạp

① Chỉ rõ đường dành cho xe đạp hoặc đường dành riêng cho xe đạp.

② Cấm các phương tiện khác ngoài xe đạp máy nhỏ được quy định, xe đạp (trừ những phương tiện bị cấm đi vào đường dành cho xe đạp), người đi bộ và phương tiện cỡ nhỏ điều khiển từ xa đi vào.

(325-2)

32. Chỉ Dành Cho Xe Đạp Thông Thường và Người Đi Bộ, v.v.

① Chỉ rõ đường dành riêng cho xe đạp và người đi bộ.
② Chỉ rõ lối đi dành cho người đi bộ mà xe đạp máy nhỏ được quy định và xe đạp (trừ các phương tiện bị cấm đi vào đường dành cho xe đạp) có thể đi vào.
③ Chỉ rõ đường đi bộ mà xe đạp máy nhỏ được quy định đặc biệt và xe đạp thông thường có thể đi vào.

(325-3)

33. Dành Cho Người đi bộ, v.v. Chỉ

① Chỉ rõ đường dành riêng cho người đi bộ (đường chỉ người đi bộ sử dụng).
② Chỉ rõ lối đi dành cho người đi bộ.

(325-4)

34. Chỉ dành cho những phương tiện được đặc biệt cho phép

Biểu thị các phương tiện được chỉ định trên biển báo được dừng tại đây, dưới sự cho phép của cơ quan quản lý đường bộ liên quan.

(Xe buýt nội thành, xe buýt có đặc quyền, v.v.)

(Xe taxi)

(Xe tải)

(325-5-A～C)

35. Chỉ dành cho những phương tiện được đặc biệt cho phép (kết hợp)

Biểu thị các phương tiện được chỉ định trên biển báo được dừng tại đây, dưới sự cho phép của cơ quan quản lý đường bộ liên quan.

(325-6)

36. Chỉ dành cho các phương tiện quản lý thảm họa khẩn cấp khu vực rộng

Biểu thị bãi đỗ xe được chỉ định mà không có xe hoặc người nào khác ngoài những người được quản lý đường bộ phê duyệt được phép sử dụng bãi đỗ xe đó trong quá trình quản lý thảm họa khẩn cấp khu vực rộng.

(325-7)

37. Một Chiều

Các phương tiện không được phép đi theo hướng ngược lại hướng mũi tên.

(326-A•B)

38. Đường Một Chiều Dành Cho Xe Đạp Máy Nhỏ Được Quy Định và Xe Đạp

Xe Đạp Máy Nhỏ Được Quy Định và xe đạp không được phép đi theo hướng ngược lại hướng mũi tên.

(326-2-A•B)

39. Chỉ Rõ Làn Đường

(Các) loại phương tiện được chỉ định trên biển báo phải di chuyển trong làn đường chỉ định.

(327)

40. Làn Đường dành cho Các Loại Phương Tiện Cụ Thể

Xe tải cỡ lớn, xe tải hạng trung được quy định và thiết bị hạng nặng đặc biệt phải di chuyển ở làn ngoài cùng bên trái.

(327-2)

41. Làn Đường dành cho Xe Kéo Trên Đường Cao Tốc Quốc Gia

Xe kéo phải di chuyển trong làn chỉ định trên biển báo.

(327-3)

42. Làn Đường Dành Riêng

Chỉ rõ làn đường dành riêng cho loại phương tiện được chỉ định.

(327-4)

43. Làn Đường Dành Riêng cho Xe Đạp Thông Thường

Chỉ rõ làn đường dành riêng cho xe đạp thông thường.

(327-4-2)

44. Làn Đường Ưu Tiên Xe Buýt Theo Tuyến

Chỉ rõ làn đường ưu tiên xe buýt chạy theo tuyến.

(327-5)

45. Làn Đường Chỉ Định cho Xe Kéo trên Đường Cao Tốc

Xe kéo phải di chuyển ở làn ngoài cùng bên trái.

(327-6)

46. Chỉ Định Hướng Làn Đường

Cho biết các hướng mà xe cộ ở mỗi làn phải di chuyển từ giao lộ.

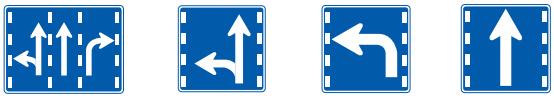

(327-7-A~D)

47. Phương Thức Rẽ Phải Hai Bước dành cho Xe Đạp Máy Bình Thông

Khi rẽ phải, xe đạp máy bình thông phải tiến lên dọc theo giao lộ và sử dụng phương thức rẽ phải hai bước.

(327-8)

48. Phương Thức Rẽ Phải Trực Tiếp dành cho Xe Đạp Máy Bình Thông

Khi rẽ phải, xe đạp máy bình thông phải di chuyển đến trung tâm của đường phía trước (sang bên phải của đường nếu là đường một chiều) và sử dụng phương thức rẽ phải trực tiếp.

(327-9)

49. Vòng Xuyến - Lái Xe Vòng Quanh Theo Chiều Kim Đồng Hồ

Tại vòng xuyến, các phương tiện phải lái vòng quanh theo chiều kim đồng hồ.

(327-10)

50. Đỗ Xe Song Song

Các phương tiện phải đỗ song song với lề đường.

(327-11)

51. Đỗ Xe Vuông Góc

Các phương tiện phải đỗ vuông góc với lề đường.

(327-12)

52. Đỗ Xe Chéo

Các phương tiện phải đỗ ở một góc chéo so với lề đường.

(327-13)

53. Còi Âm Thanh

Biểu thị vị trí mà các phương tiện và xe điện được yêu cầu bấm còi.

(328)

54. Khu Vực Bấm Còi

Biểu thị khu vực nơi các phương tiện và xe điện được yêu cầu bấm còi.

(328-2)

55. Giảm Tốc Độ

Các phương tiện và xe điện phải giảm tốc độ.

(329-A•B)

56. Nhường Đường

Biểu thị các phương tiện trên đường giao nhau tại giao lộ sắp tới có quyền ưu tiên và các phương tiện và xe điện phải giảm tốc độ và nhường đường cho xe.

(329-2-A•B)

57. Dừng Lại

Các phương tiện và xe điện phải dừng lại ngay trước giao lộ (nếu có vạch dừng, hãy dừng ngay trước vạch dừng).

(330-A•B)

58. Cấm Người Đi Bộ, v.v.

Người đi bộ và xe cỡ nhỏ điều khiển từ xa không được đi tiếp.

(331)

59. Cấm Người Đi Bộ Sang Đường, v.v. Cấm

Người đi bộ và xe cỡ nhỏ điều khiển từ xa không được băng qua đường.

(332)

15. Hướng Đi

(511)

Biểu thị hướng của tuyến đường, cơ sở hoặc vị trí theo chỉ định trên biển báo chính.

16. Tên Địa Điểm

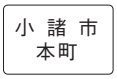

(512)

Cho biết tên của nơi đặt biển báo chính.

17. Điểm Bắt Đầu

(513)

Cho biết điểm bắt đầu của đường theo chỉ định trên biển báo chính.

18. Điểm Kết Thúc

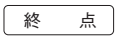

(514)

Cho biết điểm kết thúc của đường theo chỉ định trên biển báo chính.

Điểm

Các Loại Phương Tiện và Từ Viết Tắt

Các loại phương tiện đôi khi được gọi bằng các từ viết tắt được liệt kê dưới đây.

Từ viết tắt	Loại Phương Tiện
Kích thước lớn	Xe cỡ lớn
Kích thước lớn, v.v	Xe cỡ lớn, xe cỡ trung được chỉ định, thiết bị hạng nặng đặc biệt
Kích thước trung bình	Xe cỡ trung
Cỡ trung quy định	Xe cỡ trung quy định
Bán trung	Xe cỡ bán trung
Hạng thông thường	Xe cơ giới hạng thông thường
Xe máy	Xe máy cỡ lớn hoặc xe máy thông thường
Hạng nhỏ gọn	Xe cơ giới thông thường có chiều dài từ 3,4 mét trở xuống, chiều rộng từ 1,48 mét trở xuống và chiều cao từ 2 mét trở xuống (và trong trường hợp xe cơ giới chạy bằng động cơ đốt trong giới hạn ở một động cơ có dung tích động cơ 660 cc hoặc ít hơn)
Xe đạp máy	Xe đạp máy bình thông
Xe hai bánh	Xe cơ giới hai bánh hoặc xe đạp máy bình thông
Xe hai bánh nhỏ	Xe cơ giới hai bánh nhỏ hoặc xe đạp máy bình thông
Xe đạp	Xe đạp thông thường
Cỡ nhỏ điều khiển từ xa	Xe cỡ nhỏ điều khiển từ xa

Từ viết tắt	Loại Phương Tiện
Hành khách	Xe cơ giới với cấu trúc được thiết kế dành riêng cho việc vận chuyển hành khách
Xe buýt	Xe cơ giới cỡ lớn để vận chuyển hành khách và phương tiện chở khách trung bình được chỉ định
Xe buýt cỡ lớn	Xe chở khách cỡ lớn có sức chứa từ 30 hành khách trở lên
Xe buýt cỡ nhỏ	Xe chở khách cỡ lớn có sức chứa từ 11 - 29 hành khách và các phương tiện chở khách trung bình được chỉ định
Hành khách thông thường	Xe khách thông thường
Hàng hóa cỡ lớn	Xe lớn ngoài các xe lớn chở khách
Hàng hóa cỡ lớn, v.v.	Xe cỡ lớn (không bao gồm xe chở khách cỡ lớn), xe cỡ trung được chỉ định (không bao gồm xe chở khách cỡ trung được chỉ định) và thiết bị hạng nặng đặc biệt
Hàng hóa cỡ trung	Xe cỡ trung không phải xe chở khách cỡ trung
Hàng hóa cỡ bán trung	Xe cỡ bán trung khác với xe chở khách cỡ bán trung
Hàng hóa cỡ trung được chỉ định	Xe cỡ trung được chỉ định khác với xe chở khách cỡ trung được chỉ định
Xe có Giấy Phép	Các Phương Tiện Có Giấy Phép Đỗ Xe Cho Người Lái Xe Lâu Năm, v.v.

Lưu ý: Xe cơ giới hai bánh nhỏ là những chiếc xe máy thông thường có dung tích từ 125 cc trở xuống, hoặc công suất động cơ định mức từ 1 kW trở xuống.
Lưu ý: Xe cỡ trung được chỉ định là xe hạng trung có tổng trọng lượng từ 8 tấn đến dưới 11 tấn, tải trọng tối đa từ 5 tấn đến dưới 6,5 tấn, hoặc sức chứa từ 11 đến 29 hành khách.

Biển báo

Ngoài các biển báo giao thông được liệt kê ở trên, các loại biển báo sau đây cũng được sử dụng.

Biển Báo trên Đèn Giao Thông để Điều Khiển Giao Thông Được Chỉ Định

Biển Báo Máy Chỉ Định Phát "Vé Đỗ Xe" (Giấy tờ cho phép một người đỗ xe ở một vị trí được chỉ định trong một khoảng thời gian cụ thể)

7. Khu Vực Cấm Vào

(106)

Xe không được vào khu vực được đánh dấu xác định.

8. Khu Vực Cấm Dừng

(107)

Các phương tiện và xe điện không được vào khu vực được đánh dấu xác định nếu có nguy cơ có thể bị buộc phải dừng lại ở đó do các điều kiện phía trước.

9. Dải Phân Cách Bên Đường

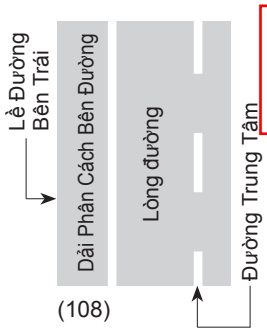

(108)

(1) Người đi bộ, xe đạp máy nhỏ được quy định đặc biệt và phương tiện hạng nhẹ có thể sử dụng phần đường này.

(2) Nếu dải phân cách bên đường rộng (chiều rộng hơn 0,75 mét), các phương tiện có thể vào đó để đỗ hoặc dừng lại với điều kiện là họ chừa một không gian từ 0,75 mét trở lên bên trái của xe.

10. Cấm Dừng Đỗ Xe Tại Dải Phân Cách Bên Đường

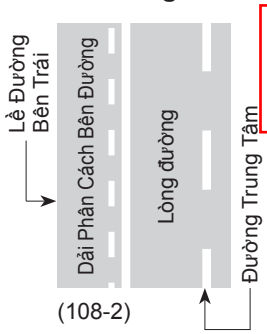

(108-2)

(1) Người đi bộ, xe đạp máy nhỏ được quy định đặc biệt và phương tiện hạng nhẹ có thể sử dụng phần đường này.

(2) Xe không được vào đó để đỗ hoặc dừng.

11. Dải Phân Cách Bên Đường dành cho Người Đi Bộ

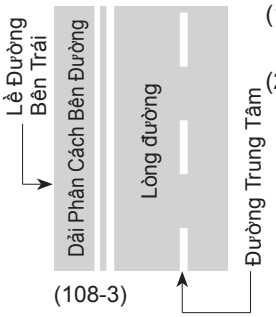

(108-3)

(1) Người đi bộ có thể sử dụng phần đường này.

(2) Xe không được vào đó để đỗ hoặc dừng.

12. Làn Xe

(1) Làn Xe Trên Đường Khác Với Làn Đường Chính của Đường Cao Tốc Quốc Gia

① Vạch Kẻ Đường Sơn Đánh Dấu

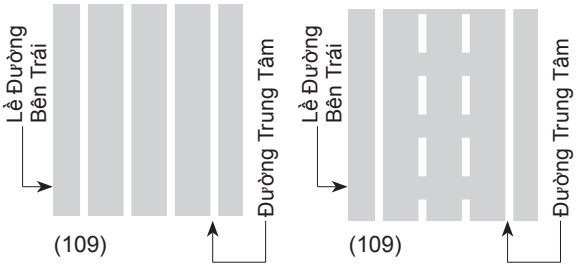

② Vạch Kẻ Đường Bao Gồm Đinh Tán, Đá Hoặc Tương Tự

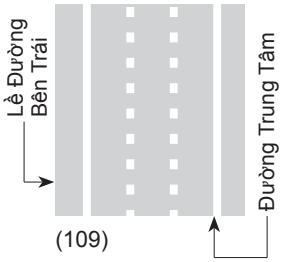

(2) Làn Xe trên Làn Đường Chính của Đường Cao Tốc Quốc Gia

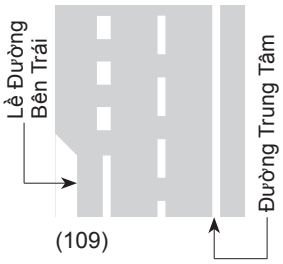

21. Tuyến Đường Rẽ Phải/ Trái

Những vạch kẻ này cho thấy các tuyến đường phương tiện phải sử dụng khi rẽ phải hoặc trái trong giao lộ.

(1) Tuyến Rẽ Phải

(111)

(2) Tuyến Rẽ Trái

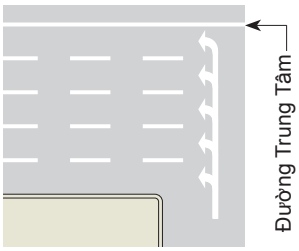

(111)

22. Rẽ Trái tại Vòng Xuyến

(111-2)

Tại các vòng xuyến, các phương tiện phải sử dụng các tuyến đường được chỉ định, khi rẽ trái hoặc phải, đi thẳng hoặc quay đầu.

23. Đỗ Xe Song Song

Các phương tiện phải đỗ trong khu vực được đánh dấu, song song với lề đường.

(1) Bãi Đỗ Một Phương Tiện

(112)

(2) Bãi Đỗ Nhiều Phương Tiện

(112)

24. Đỗ Xe Vuông Góc

(113)

Các phương tiện phải đỗ trong khu vực được đánh dấu, vuông góc với lề đường.

25. Đỗ Xe Chéo

(114)

Các phương tiện phải đỗ trong khu vực được đánh dấu, ở một góc xiên với lề đường.

26. Xe Đạp Máy Nhỏ Được Quy Định Đặc Biệt và Xe Đạp Thông Thường Được Phép Đi Vào Đường Đi Bộ

(114-2)

Biểu thị rằng xe đạp máy nhỏ được quy định đặc biệt và xe đạp thông thường được phép đi vào đường đi bộ.

27. Khu Vực Đi Xe Đạp Máy Nhỏ Được Quy Định Đặc Biệt và Xe Đạp trong Đường Đi Bộ

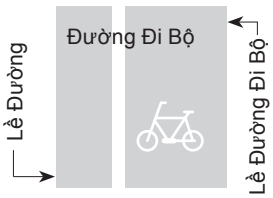

(114-3)

Biểu thị một phần của đường đi bộ mà xe đạp máy nhỏ được quy định đặc biệt và xe đạp thông thường nên sử dụng trong trường hợp các phương tiện này được phép đi vào đường đi bộ.

28. Cấm Xe Đạp Vào Giao Lộ

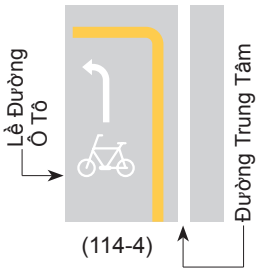

(114-4)

Xe đạp thông thường không được đi vào giao lộ vượt vạch kẻ đường.

29. Kết Thúc Điều Tiết Giao Thông

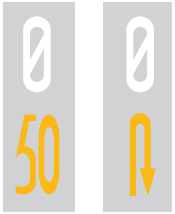

(115)

Chỉ định kết thúc các điều tiết giao thông được chỉ định.

Luật RT 2 III
17 I, III, 17-2
Luật Giao Thông
Đường Bộ 48-15

1 Nguyên Tắc Cơ Bản của Việc Sử Dụng Đường và Ngoại Lệ đối với Quy Tắc

① Trên các tuyến đường tách biệt lòng đường và vỉa hè hoặc dải phân cách bên đường, các phương tiện phải di chuyển trên **lòng đường**.[1] Ngoài ra, các phương tiện trừ xe đạp máy nhỏ được quy định và xe đạp hai hoặc ba bánh không được sử dụng đường dành cho xe đạp.
Tuy nhiên, các phương tiện ngoại trừ xe đạp thông thường có thể di chuyển trên các khu vực này của tuyến đường để băng qua đường khi đi vào hoặc rời khỏi các khu vực ở bên đường, và trong các tình huống tương tự.[2]

Đường Có Vỉa Hè

Đường Có Dải Phân Cách Bên

② Người đi bộ hoặc đẩy phương tiện hai bánh được coi là người đi bộ, do đó những đối tượng này có thể sử dụng vỉa hè, v.v. (vỉa hè và dải phân cách bên đường).
Tuy nhiên, những người đi bộ và đẩy phương tiện có động cơ chạy, phương tiện có trang bị thùng gắn bên cạnh, hoặc phương tiện kéo một phương tiện khác không được coi là người đi bộ và không được sử dụng vỉa hè, v.v.

③ Xe đạp máy nhỏ được quy định đặc biệt và phương tiện hạng nhẹ có thể di chuyển tại dải phân cách bên đường ở lề đường bên trái.
Tuy nhiên, các phương tiện hạng nhẹ không được sử dụng dải phân cách bên đường nếu thể hiện rõ ràng cản trở việc di chuyển của người đi bộ hoặc nếu dải phân cách bên đường được kẻ hai vạch trắng liền nét (dải phân cách cho người đi bộ).

*1
Đi Trên Vỉa Hè

Xe đạp thông thường có thể đi trên vỉa hè trong các trường hợp sau:

① Khi có biển báo chỉ đường, v.v. hướng dẫn xe đạp có thể đi trên vỉa hè.
② Khi người điều khiển xe đạp là trẻ nhỏ dưới mười ba tuổi hoặc người cao tuổi từ 70 tuổi trở lên hoặc người khuyết tật.
③ Khi điều kiện giao thông bắt buộc phải đi trên vỉa hè để đảm bảo an toàn.

Xe đạp thông thường là xe đạp có từ bốn bánh trở xuống, dài tối đa 1,9 m và rộng tối đa 0,6 mét, không được trang bị thùng gắn bên cạnh hoặc ghế ngồi không phải ghế dành cho người đạp.

*2
Các vị trí tiếp giáp đường…

Đề cập đến các trạm xăng dầu, kho bãi, ga ra, bãi đỗ xe, v.v. ở bên đường.

Lưu ý: Xem trang 56 để biết các biện pháp thận trọng khi qua đường.

Gợi Ý Nhanh

Không nhầm lẫn các thông tin sau đây!

Trên đường có vỉa hè, vạch trắng liền nét ở lề đường bên trái không thể hiện là dải phân cách bên đường. Thay vào đó, vạch trắng này là "đường phụ phía ngoài cùng của lòng đường", và phần mặt đường giữa vạch trắng này và mép vỉa hè được coi là phần lòng đường để phương tiện sử dụng.

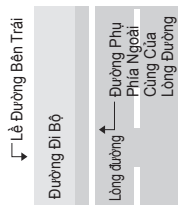

Điểm

Các Loại Dải Phân Cách Bên Đường

Dải Phân Cách Bên Đường	Cấm Dừng hoặc Đỗ Xe tại Dải Phân Cách Bên Đường	Dải Phân Cách Bên Đường dành cho Người Đi Bộ
	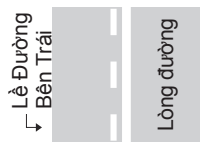	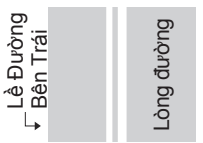
Người đi bộ, xe đạp máy nhỏ được quy định đặc biệt và phương tiện hạng nhẹ có thể sử dụng phần đường này.	Người đi bộ, xe đạp máy nhỏ được quy định đặc biệt và phương tiện hạng nhẹ có thể sử dụng phần đường này.	Người đi bộ có thể được đi.

3 Đường Không Có Làn Xe

Luật RT 18 I

Trên các tuyến đường không có làn xe[1], ô tô và xe đạp máy bình thông phải đi bên trái đường và xe đạp máy nhỏ được quy định cùng các phương tiện hạng nhẹ phải đi **dọc lề đường bên trái**.

Tuy nhiên, quy tắc trên không áp dụng trong các trường hợp không thể tránh được việc phải tiếp tục di chuyển sang bên phải, chẳng hạn như tình huống vượt xe hoặc khi chuẩn bị rẽ phải.

*1
Đường không có làn xe…
Những tuyến đường này thường được gọi là "tuyến đường có một làn đường cho mỗi hướng di chuyển."

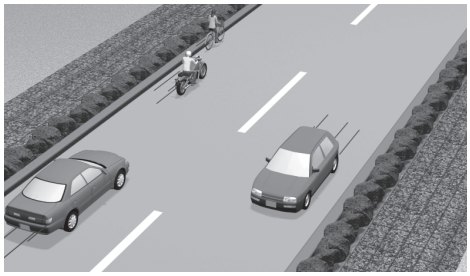

Để trống phần giữa đường khi bạn di chuyển.

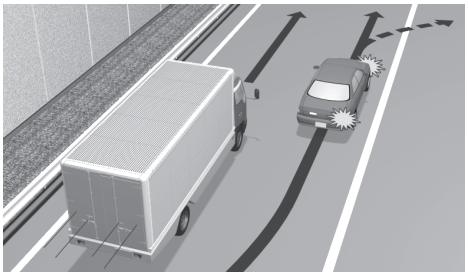

Phần lòng đường gần đường trung tâm dành cho phương tiện vượt các phương tiện khác hoặc chuẩn bị rẽ phải.

4 Đường Có Làn Xe

1 Đường Có Hai Làn Xe Cùng Hướng

Luật RT 20 I

Trên các tuyến đường có hai làn cho xe di chuyển theo cùng một hướng, các phương tiện phải di chuyển tại **làn bên trái**. (Làn bên phải để vượt xe, v.v.)

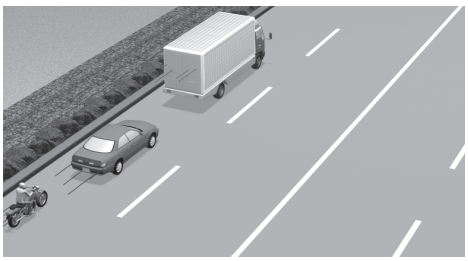

Di chuyển tại làn xe bên trái.

Gợi Ý Nhanh

Tại các tuyến đường có nhiều làn, làn xe, bắt đầu từ làn ngoài cùng bên trái, đôi khi được gọi là "làn thứ nhất," "làn thứ hai," "làn thứ ba," v.v.

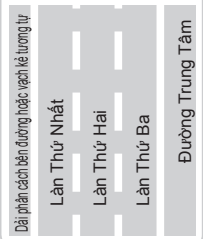

2 Đường Có Ba Làn Xe Trở Lên Cùng Hướng

Đường có ba làn trở lên dành cho các xe di chuyển theo cùng một hướng, làn đường phía ngoài cùng bên phải để vượt xe, v.v., và ô tô phải di chuyển trên **các làn còn lại**.

Trong trường hợp này, các phương tiện tốc độ di chuyển chậm đi ở làn đường ngoài cùng bên trái và các phương tiện tốc độ di chuyển nhanh đi ở các làn đường bên phải, các phương tiện có tốc độ di chuyển nhanh nhất sử dụng làn đường ngoài cùng bên phải.

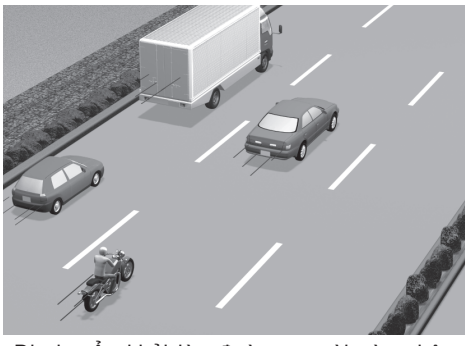

Di chuyển khỏi làn đường ngoài cùng bên phải và di chuyển trên một trong những làn còn lại, phù hợp với tốc độ di chuyển của bạn.

Gợi Ý Nhanh

Vì các phương tiện đặc biệt hạng nhẹ, xe đạp máy và phương tiện hạng nhẹ di chuyển ở tốc độ thấp nên các phương tiện này phải di chuyển tại làn đường ngoài cùng bên trái ngoại trừ trường hợp không thể tránh được.

7 Nghiêm Cấm Lái Xe trên Vỉa Hè, Lối Đi Dành Cho Người Đi Bộ hoặc Tương Tự và Các Trường Hợp Ngoại Lệ

Luật RT 17 I, III

1 Cấm Lái Xe trên Vỉa Hè hoặc tương tự, và Các Trường Hợp Ngoại Lệ

Ô tô và xe đạp máy bình thông không được đi trên vỉa hè, dải phân cách bên đường, lối dành cho xe đạp hoặc khu vực tương tự. Tuy nhiên, các phương tiện này có thể đi ở các khu vực này của tuyến đường để đi sang đường, khi đi vào hoặc rời khỏi các khu vực bên đường, và trong các trường hợp tương tự.

Luật RT 17 II

2 Thận Trọng Khi Đi Qua Vỉa Hè hoặc Dải Phân Cách Bên Đường

Phương tiện đi qua vỉa hè hoặc dải phân cách bên đường để đi vào hoặc rời khỏi các khu vực bên đường phải **dừng ngay trước vỉa hè hoặc dải phân cách bên đường** và cẩn thận không làm cản trở việc di chuyển của khách đi bộ. (Người lái xe phải dừng ngay trước vỉa hè, v.v., ngay cả khi không có người đi bộ.)

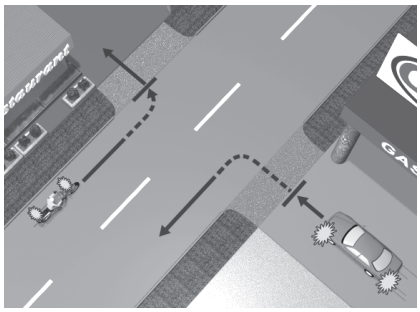

Bạn phải dừng trước khi đi vào hoặc rời khỏi một vị trí tiếp giáp đường.

*1
Các phương tiện được cho phép đặc biệt…

① Các phương tiện có thể chạy trong đường dành cho người đi bộ trong điều kiện được trưởng cơ quan công an cho phép:
- Phương tiện có gara ở bên đường
- Phương tiện chở người khuyết tật.
- Phương tiện cần thiết để lấy và giao hàng

② Phương tiện được miễn tuân theo quy định cấm:
- Phương tiện khẩn cấp
- Phương tiện dịch vụ bưu điện
- Phương tiện vệ sinh đường phố

3 Cấm Lái Xe trên Lối Đi Dành Cho Người Đi Bộ và Các Trường Hợp Ngoại Lệ

Phương tiện không được đi trong đường dành cho người đi bộ.

Tuy nhiên, quy tắc này không áp dụng cho **các phương tiện** đỗ ở gara bên đường hoặc phương tiện **được cho phép đặc biệt**[1] di chuyển trong đường dành cho người đi bộ. Trong các trường hợp này, người lái xe phải **giảm tốc độ và đặc biệt chú ý đến người đi bộ**.

(Người lái xe phải luôn giảm tốc độ, ngay cả khi không có người đi bộ.)

Luật RT 8 II, 9

Lệnh VL 9

4 Cấm Lái Xe ở Phần Lề Đường

Khi lái xe trên các tuyến đường không có vỉa hè hoặc dải phân cách bên đường, ô tô (ngoại trừ xe hai bánh) không được cho xe chạy ở **phần lề đường** (phần đường cách mép đường 0,5 mét).[2]

Vì các phương tiện là xe máy có trọng lượng tương đối nhẹ, xe máy cỡ lớn và xe máy thông thường không bị cấm chạy ở phần lề đường, tuy nhiên cần tránh chạy xe ở vị trí này nhiều nhất có thể.

Mép đường là phần đường trống và có thể dễ dàng dừng lại để nhường đường. Cần phải đặc biệt cẩn thận sau mỗi trận mưa hoặc khi tuyết tan vì nền đường thường mềm hơn bình thường.

*2
Phần Lề Đường…

Thuật ngữ này đề cập đến phần đường ở mép đường, nối với lòng đường hoặc vỉa hè, và được thiết kế nhằm bảo vệ chống lại xói mòn hoặc hư hại.

2 Ưu Tiên Cho Xe Buýt Địa Phương Và Tương Tự

Luật RT 31-2

1 Cấm Chặn Xe Buýt Đang Đi Vào Làn Giao Thông

Khi xe buýt địa phương hoặc phương tiện tương tự dừng tại bến xe buýt và bộ phận chỉ hướng của xe biểu thị ý định xe sẽ đi vào làn giao thông (chuyển làn), các phương tiện đang đến gần từ phía sau không được chặn đường xe buýt.

Tuy nhiên, các phương tiện có thể tiếp tục di chuyển nếu việc họ không chặn xe buýt lại buộc họ phải phanh hoặc bẻ lái đột ngột.

Luật RT 20

2 Đường Có Làn Đường Dành Riêng

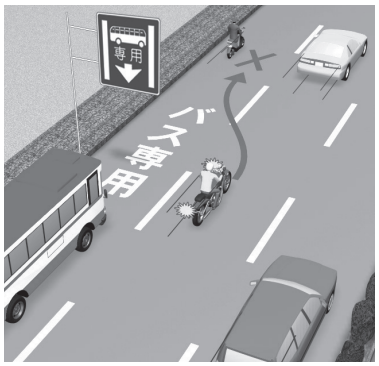

Trên các tuyến đường có **làn đường dành riêng**[1] được chỉ định bằng biển báo hoặc vạch kẻ đường, các phương tiện khác ngoài loại phương tiện được chỉ định, thiết bị hạng nhẹ đặc biệt, xe đạp máy và phương tiện hạng nhẹ không được sử dụng làn đường dành riêng.

Tuy nhiên, các phương tiện được phép việc sử dụng làn đường dành riêng trong các tình huống sau.

① Khi di chuyển sang mép bên phải, giữa đường, hoặc mép bên trái đường để chuẩn bị rẽ phải hoặc rẽ trái.

② Khi sử dụng làn đường dành riêng là việc không thể tránh khỏi do có công trình thi công hoặc lý do nào đó khác.

③ Trường hợp bạn để cho phương tiện khẩn cấp vượt qua xe của bạn.

*1
Biển báo Làn Đường Dành Riêng…

Các loại phương tiện đôi khi được hướng dẫn bằng từ ngữ.

Gợi Ý Nhanh

Thiết bị hạng nhẹ đặc biệt…

Thiết bị hạng nhẹ đặc biệt, xe đạp máy và phương tiện hạng nhẹ phải di chuyển trên làn ngoài cùng bên trái, ngay cả khi làn đó được chỉ định là làn dành riêng cho xe buýt địa phương, trừ khi đang chuẩn bị rẽ phải hoặc khi không thể tránh được do có công trình thi công hay vì lý do khác.

Điểm

Làn Đường Dành Riêng Cho Xe Đạp

Các làn đôi khi được chỉ định bằng biển báo hoặc vạch kẻ đường là làn dành riêng cho xe đạp thông thường. Trong các tình huống như vậy, xe đạp máy nhỏ được quy định và phương tiện hạng nhẹ, bao gồm xe đạp thông thường có thể đi vào các làn đường đó.

(2) Rẽ Phải (Xe Đạp Máy Bình Thông)

① Các Giao Lộ Tại Đó Phương Tiện Rẽ Phải Bằng Phương Thức Rẽ Trực Tiếp (Tương Tự Như Ô Tô)

Tại các loại giao lộ được minh họa bên dưới, bạn phải áp dụng cùng một phương thức giống như ô tô (rẽ trực tiếp) để rẽ phải.

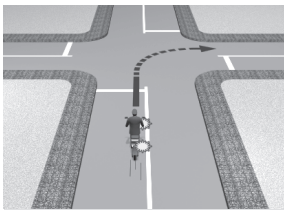

Các giao lộ không có điều khiển giao thông

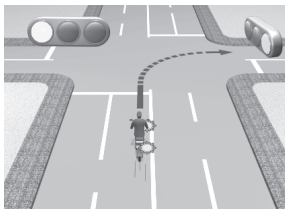

Các giao lộ giữa các tuyến đường có hai làn đường hoặc ít hơn và có điều khiển giao thông

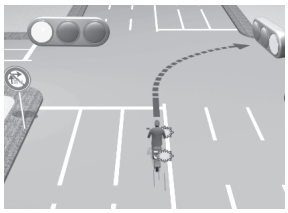

Các giao lộ giữa các tuyến đường có ba làn đường trở lên, có điều khiển giao thông, và có biển báo[1] hướng dẫn "Phương Thức Rẽ Phải Trực Tiếp cho Xe Đạp Máy"

*1
Biển báo Phương Thức Rẽ Phải Trực Tiếp dành cho Xe Đạp Máy Bình Thông

Điểm

Thận Trọng Khi Rẽ Phải Bằng Phương Thức Rẽ Trực Tiếp

Khi điều khiển xe hai bánh trên đường rộng, điều quan trọng là phải di chuyển sang làn rẽ phải một cách từ từ và hợp lý trước khi đi đến giao lộ nếu bạn muốn rẽ phải bằng phương thức rẽ trực tiếp. Việc bẻ lái đột ngột chuyển từ làn bên trái đi vào làn bên phải vô cùng nguy hiểm.

② Các Giao Lộ Tại Đó Phương Tiện Rẽ Phải Bằng Phương Thức Hai Bước

Tại các kiểu giao lộ được minh họa bên dưới, bạn phải áp dụng phương thức hai bước để rẽ phải.

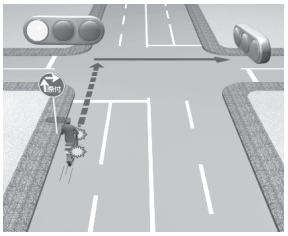

Các giao lộ có điều khiển giao thông và có biển báo "Phương Thức Rẽ Phải Hai Bước cho Xe Đạp Máy"[2]

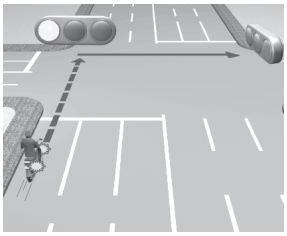

Các giao lộ giữa các tuyến đường có ba làn đường trở lên và có điều khiển giao thông

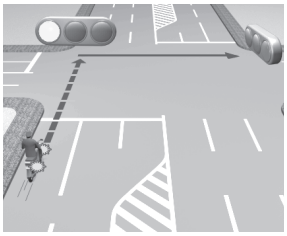

Bạn nên áp dụng phương thức hai bước để rẽ phải ngay cả khi chỉ phần lòng đường gần giao lộ có ba làn trở lên.

*2
Biển báo Phương Thức Rẽ Phải Hai Bước dành cho Xe Đạp Máy Bình Thông

Gợi Ý Nhanh

Mũi Tên Màu Xanh Thể Hiện Tín Hiệu Rẽ Phải

Xe đạp máy bình thông không được rẽ phải bằng phương thức hai bước khi chỉ đèn tín hiệu chỉ mũi tên màu xanh được

Điểm

Rẽ Phải Sử Dụng Phương Thức Hai Bước

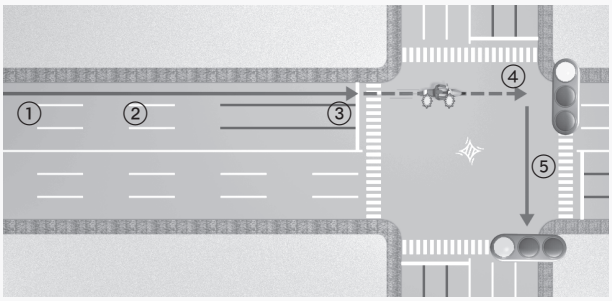

① Di chuyển sang lề đường bên trái trước khi đi đến giao lộ.

② Bật đèn báo rẽ phải cách 30 mét trước khi đi đến giao lộ.

③ Khi đèn giao thông chuyển màu xanh, di chuyển đồng thời giảm tốc độ ngay trước khi đi vào phía ngược chiều của giao lộ.

④ Dừng lại và điều khiển phương tiện rẽ phải; tắt đèn báo rẽ.

⑤ Tiếp tục đi thẳng khi đèn giao thông chuyển màu xanh.

3 Cấm Cản Trở Giao Thông Đang Lưu Thông (Ngoại Trừ Vòng Xuyến)

Luật RT 37

Ngay cả khi đi vào giao lộ đầu tiên, phương tiện rẽ phải không được gây cản trở giao thông đi tới và các phương tiện rẽ trái (bao gồm cả xe điện).

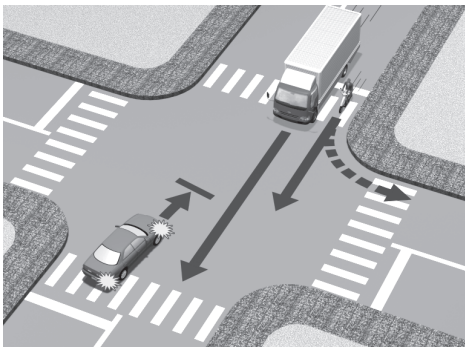

Để cho xe cộ đang đi thẳng đang tới đi qua và phương tiện rẽ trái đi qua trước.

Điểm

Thận Trọng Khi Rẽ Phải

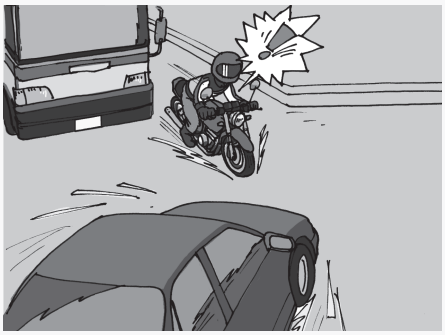

Rất nhiều tai nạn xảy ra tại giao lộ có liên quan đến phương tiện cố gắng rẽ phải và các xe hai bánh cố gắng đi thẳng qua (va chạm rẽ phải – đi thẳng)

Cần đặc biệt cẩn thận khi rẽ phải sau khi bạn được nhường đường bởi một phương tiện có ý định đi thẳng qua giao lộ. Bạn luôn cần cho rằng có thể có xe hai bánh ẩn đằng sau phương tiện cho phép bạn đi qua.

Đồng thời, nếu bạn đang điều khiển xe hai bánh, bạn cần đặc biệt cẩn thận không đi vào giao lộ bên cạnh các phương tiện lớn.

4 Làn Riêng Dành Cho Xe Di Chuyển Theo Các Hướng Khác Nhau

Luật RT 35 I

Trên các tuyến đường có nhiều làn giao thông, **nếu làn dành** riêng cho xe di chuyển theo các hướng khác nhau được chỉ định bằng biển báo hoặc vạch kẻ đường tại giao lộ, ô tô và xe đạp máy bình thông phải di chuyển qua giao lộ theo hướng được chỉ định cho làn xe của mình.

Tuy nhiên, có thể bỏ qua các chỉ định nêu trên trong các trường hợp sau đây.

① Nếu có phương tiện khẩn cấp đang đến gần.

② Nếu việc bỏ qua chỉ định là không thể tránh khỏi do đường đang thi công, hoặc lý do tương tự.

Lưu ý rằng xe đạp máy nhỏ được quy định, phương tiện hạng nhẹ và xe đạp máy bình thông có ý định rẽ trái hoặc rẽ phải tại giao lộ quy định áp dụng phương thức rẽ hai bước phải di chuyển dọc lề đường bên trái.

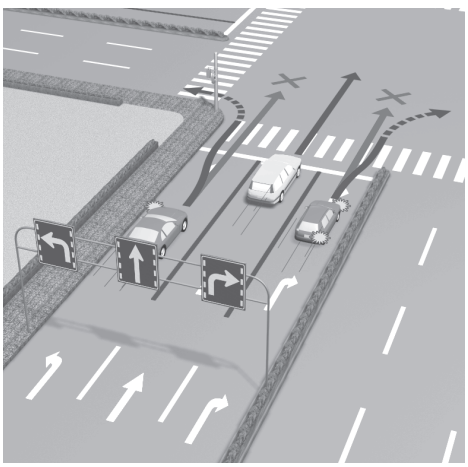

Gợi Ý Nhanh

Đối với xe đạp máy bình thông, khi rẽ phải tại các giao lộ bằng phương thức hai bước (xem trang trước), các phương tiện phải di chuyển dọc lề đường bên trái và tiếp tục đi thẳng sang phía bên kia của giao lộ, bất kể hướng được chỉ định cho làn xe của mình như thế nào.

2 Thận Trọng Khi Lưu Thông Qua Giao Lộ

1 Tốc Độ An Toàn và Phương Thức Rẽ (Ngoại Trừ Vòng Xuyến)

Luật RT 36 IV

Khi đi vào và di chuyển qua giao lộ, phương tiện phải di chuyển ở **tốc độ và phương thức an toàn hết mức có thể**, trên cơ sở các điều kiện bên trong giao lộ, đồng thời chú ý các phương tiện rẽ phải, người đi bộ, v.v. Đặc biệt, khi rẽ phải, phải thận trọng do khó có thể nhìn thấy xe hai bánh đang cố gắng đi thẳng qua giao lộ.

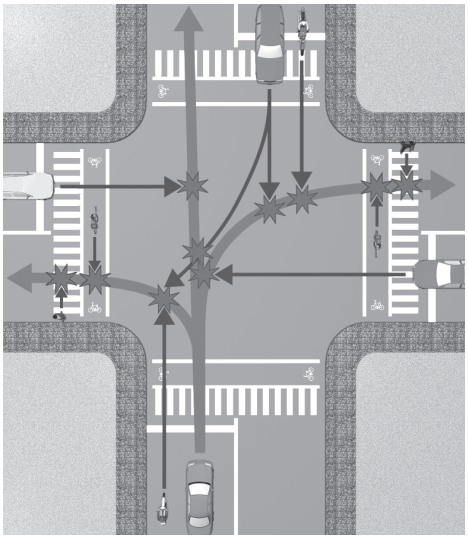

Rất nhiều nơi có thể xảy ra tai nạn …

2 Tránh Cản Trở Các Phương Tiện Khác Khi Rẽ Phải hoặc Rẽ Trái

Vi sai trục bánh xe xuất hiện khi phương tiện rẽ phải hoặc rẽ trái. Phương tiện cỡ lớn có vi sai trục bánh xe lớn tương ứng, đồng thời có điểm mù (từ tầm nhìn của người lái xe) ở phía sau bên trái. Do đó, điều quan trọng là phải cẩn thận tránh cản trở người đi bộ, xe đạp máy nhỏ được quy định hoặc người đi xe đạp có thể đang di chuyển phía bên trái phương tiện.

Ngoài ra, xe hai bánh đi qua giao lộ phải thận trọng tránh bị cản trở bởi xe cỡ lớn.

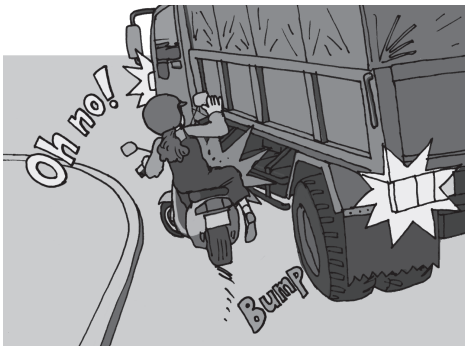

Điểm

Vi Sai Trục Bánh Xe

Khi một phương tiện rẽ, bánh xe sau đi theo đường gần với phần trong của vòng cung rẽ hơn so với bánh trước. Khoảng chênh lệch của vị trí bánh trước và bánh sau được gọi là vi sai trục bánh xe. Nhìn chung, khoảng cách giữa hai bánh trước và sau của phương tiện càng dài, vi sai trục bánh xe càng lớn.

Lưu ý: Hình ảnh bên phải cho thấy đường đi của bánh trước và bánh sau khi phương tiện rẽ.

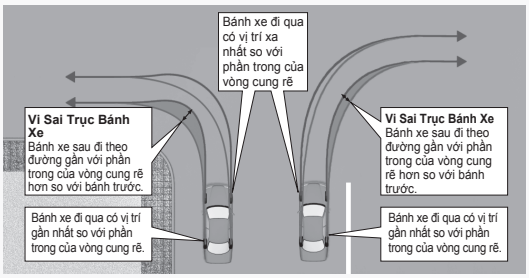

4 Biển Báo Dừng và Tín Hiệu Đèn Đỏ Nhấp Nháy

Luật RT 43, Pháp Lệnh Thi Hành 2

Tại các giao lộ đánh dấu bằng **biển báo dừng**, phương tiện phải **dừng hoàn toàn** ngay trước vạch dừng (hoặc ngay trước giao lộ nếu không có vạch dừng được đánh dấu trên đường) và không được cản trở các phương tiện hoặc xe điện đi qua đường giao nhau.

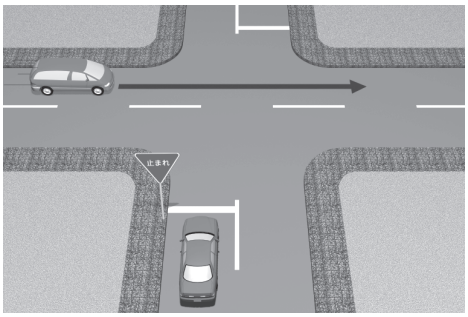

Quy trình tương tự nếu có **tín hiệu đèn đỏ nhấp nháy** theo hướng phương tiện đang di chuyển.

Gợi Ý Nhanh

Điểm Dừng nếu Không Có Vạch Dừng Đánh Dấu Trên Đường

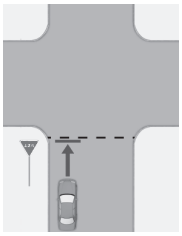

Dừng ngay trước giao lộ.

Điểm

Biển Báo Vạch Dừng

Tại các vị trí không thể đánh dấu vạch dừng trên đường, hoặc tại các vị trí có thể không nhìn thấy vạch dừng, ví dụ như ở trên đường rải sỏi hoặc những đường đôi khi bị tuyết bao phủ, có thể lắp đặt biển báo "vạch dừng".

Trong các trường hợp đó, bạn nên dừng ngay trước biển báo vạch dừng.

Đánh Giá

Đánh dấu đúng hay sai cho từng phát biểu sau đây để kiểm tra mức độ hiểu của bạn về phần trước.

1. Để rẽ phải tại giao lộ từ đường hai chiều (trừ vòng xuyến), ô tô ban đầu phải tiếp cận giao lộ càng gần tim đường càng tốt và tiến sát vào bên trong điểm trung tâm của giao lộ, đồng thời giảm tốc độ.
2. Biển báo ở bên phải cho biết rằng bạn phải đi qua biển báo ở bên phải.
3. Xe đạp máy bình thông phải áp dụng phương thức tương tự như các loại ô tô khác để rẽ phải tại các giao lộ (trừ khi cố rẽ phải bằng phương thức hai bước).
4. Thuật ngữ vi sai trục bánh xe chỉ sự chênh lệch về vị trí của bánh trước và bánh sau khi phương tiện rẽ.
5. Vi sai trục bánh xe xảy ra khi rẽ trái chứ không xảy ra khi rẽ phải.
6. Tại các giao lộ như minh họa trong hình bên phải, phương tiện A có thể đi trước phương tiện B.

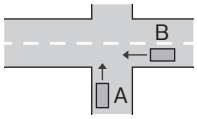

▶ ▶ ▶ Các câu trả lời đúng được ghi ở trang cuối của cuốn sách.

Thực Hành

Phương tiện đang tới cho bạn quyền đi trước. Bạn nên chú ý điều gì khi rẽ phải?

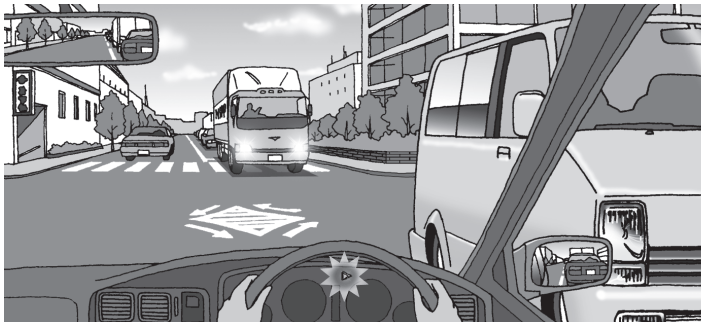

Câu trả lời ở trang 351.

1 Hạn Chế Tốc Độ

1 Tuân Thủ Giới Hạn Tốc Độ

Lái xe ở tốc độ quá cao không chỉ làm giảm khả năng kiểm soát phương tiện của người lái mà còn có thể gây ra tai nạn trực tiếp, ví dụ, khiến người lái không thể có được thông tin cần thiết một cách chính xác.

Khi lái xe, người lái xe phải cố gắng đi một cách an toàn phù hợp với điều kiện đường xá và giao thông, đồng thời tuân thủ **giới hạn tốc độ quy định** và **tốc độ tối đa được chỉ định** cho loại xe.

Luật RT 22 I
Pháp Lệnh
Thi Hành 11, 12

2 Giới Hạn Tốc Độ Quy Định và Tốc Độ Tối Đa Được Chỉ Định

(1) Giới Hạn Tốc Độ Quy Định

① Trên các tuyến đường có giới hạn tốc độ được biểu thị bằng biển báo hoặc vạch kẻ đường, các phương tiện và xe điện **không được vượt quá giới hạn tốc độ quy định**[1]. Tuy nhiên, xe đạp máy bình thông **không được vượt quá tốc độ 30 km/giờ**, ngay cả trên những tuyến đường giới hạn tốc độ được biểu thị bằng biển báo hoặc vạch kẻ đường vượt quá 30 km/giờ.

② Trên các tuyến đường có giới hạn tốc độ cho một loại xe cụ thể được chỉ định bằng các biển báo phụ, xe thuộc loại được chỉ định không được vượt quá tốc độ đó.

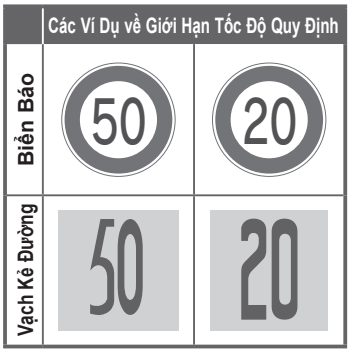

Biển báo giới hạn tốc độ với loại phương tiện được chỉ định trên biển báo phụ (Trong trường hợp này, giới hạn tốc độ tối đa cho xe tải cỡ lớn là 40km/giờ.)

*1
...không được vượt giới hạn tốc độ quy định
Điều này có nghĩa bạn có thể lái xe ở mức tốc độ biểu thị trên biển báo hoặc vạch kẻ đường, nhưng bạn không được lái nhanh hơn thậm chí là 1 km/giờ.

Điểm

Kết Thúc Vùng Giới Hạn Tốc Độ Quy Định

Các biển báo và vạch kẻ đường dưới đây biểu thị kết thúc giới hạn tốc độ quy định. Từ vị trí biển báo trở đi, người lái xe nên điều khiển xe ở mức hoặc dưới mức tốc độ tối đa được chỉ định.

(2) Tốc Độ Tối Đa Được Chỉ Định

Trên các tuyến đường (không bao gồm đường cao tốc quốc gia) nơi không có giới hạn tốc độ được biểu thị bằng biển báo hoặc vạch kẻ đường, người lái xe không được vượt quá tốc độ tối đa được chỉ định cho loại phương tiện của mình (**tốc độ tối đa được chỉ định**).

	Phân Loại (Loại Phương Tiện)	Tốc Độ Tối Đa Được Chỉ Định
Ô Tô	Phương tiện chở khách cỡ lớn Xe tải cỡ lớn Phương tiện chở khách cỡ trung Xe tải cỡ trung Xe cỡ bán trung Phương tiện thông thường Xe cơ giới thông thường có dung tích từ 660 cc trở xuống Ô tô con[1] 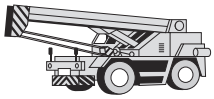 Thiết bị hạng nặng đặc biệt Phương tiện kéo Xe máy cỡ lớn Xe máy thông thường	60 km/giờ
Xe Đạp Máy	Xe đạp máy bình thông	30 km/giờ

Lưu ý: Xem trang 317 để biết thông tin về tốc độ tối đa được chỉ định trên đường cao tốc.

Điểm

Tốc Độ Tối Đa Được Chỉ Định Khi Kéo Phương Tiện Khác

Khi kéo một phương tiện khác sử dụng xe đạp máy hoặc phương tiện tương tự hoặc khi kéo một chiếc xe bị hỏng bằng cần cẩu hoặc dây thừng, người lái xe không được vượt quá tốc độ tối đa được chỉ định hợp pháp, như được chỉ ra dưới đây, ngay cả khi giới hạn tốc độ được chỉ định bởi các biển báo hoặc vạch kẻ đường là cao hơn.

Khi kéo một xe bị hỏng có tổng trọng lượng từ 2.000 kg trở xuống, sử dụng một chiếc xe có tổng trọng lượng gấp ba lần xe được kéo trở lên.		40 km/giờ
Khi kéo một xe bị hỏng hoặc phương tiện tương tự trong các trường hợp không được mô tả ở trên và dưới đây.		30 km/giờ
Khi kéo một xe khác bằng cách sử dụng một xe máy thông thường có dung tích từ 125 cc trở xuống hoặc công suất động cơ định mức từ 1 kW trở xuống, hoặc một xe đạp máy bình thông.	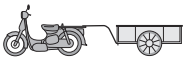	25 km/giờ

*1
Ô tô con…
Thuật ngữ này đề cập đến xe cơ giới thông thường có dung tích động cơ từ 50 cc trở xuống.

Gợi Ý Nhanh

Các Giới Hạn Tốc Độ Khác

- Giới hạn tốc độ tối đa cho phương tiện khẩn cấp là 80km/giờ.
- Do cấu trúc, thiết bị hạng nhẹ đặc biệt không được phép vượt tốc độ 15km/giờ.
- Một số phương tiện cơ giới thông thường được trang bị như phương tiện phun thuốc trừ sâu có cấu trúc giới hạn tốc độ của chúng tới 35 km/giờ.
- Do cấu trúc phương tiện, xe đạp máy nhỏ được quy định không được phép vượt quá tốc độ 20km/giờ.

3 Duy Trì Tốc Độ và Khoảng Cách An Toàn Giữa Các Phương Tiện

1 Điều Chỉnh Tốc Độ để Phù Hợp với Môi Trường Giao Thông Đường Bộ

Luật RT 70

Người lái xe phải điều khiển xe của mình **ở tốc độ an toàn** ngay cả khi lái xe trong giới hạn tốc độ quy định, có tính đến điều kiện đường xá và giao thông, thời tiết, tầm nhìn, v.v.

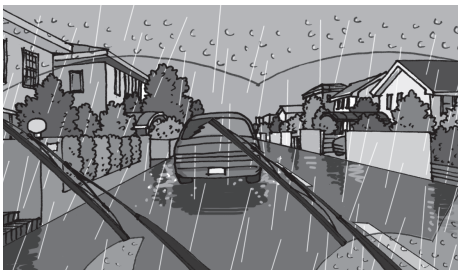

2 Duy Trì Khoảng Cách An Toàn Giữa Các Phương Tiện

Luật RT 26

Người lái xe phải duy trì khoảng cách an toàn giữa xe của mình và xe phía trước, có tính đến thời tiết và mặt đường, tình trạng lốp xe, trọng lượng của tải trọng, v.v., để đảm bảo rằng họ có thể tránh va chạm với xe phía trước nếu xe đó dừng lại đột ngột.

Chỗ ngồi của người lái xe trên những chiếc xe cỡ lớn, cỡ trung và cỡ bán trung được đặt ở vị trí cao hơn so với những chiếc xe thông thường, giúp người lái có tầm nhìn xuống đường. Vị trí này có thể giúp cho khoảng cách giữa các xe có vẻ dài hơn so với thực tế, vì vậy người lái xe của những chiếc xe này cần phải đặc biệt cẩn thận để không đến quá gần các xe khác.

Điểm

Điều Chỉnh Khoảng Cách Giữa Các Phương Tiện để Phù Hợp với Điều Kiện

① Đi theo sát phía sau một chiếc xe cỡ lớn làm hạn chế tầm nhìn phía trước của bạn, khiến bạn không thể có đủ thông tin về tín hiệu giao thông, những xe đang đi tới, người đi bộ, v.v. Đảm bảo tạo đủ không gian giữa xe của bạn và xe phía trước để bạn có tầm nhìn không bị hạn chế

② Có xu hướng khoảng cách giữa các xe trở nên ngắn hơn trong các đường hầm do khó khăn trong việc phán đoán khoảng cách và xu hướng người lái xe tập trung chú ý đến đèn đuôi của xe trước đó. Khi lái xe qua các đường hầm, hãy cố gắng quan sát toàn bộ đường hầm thay vì chỉ nhìn xe phía trước bạn và vẫn ý thức được sự cần thiết phải duy trì khoảng cách xa giữa xe của bạn và xe phía trước.

Đánh Giá

Đánh dấu đúng hay sai cho từng phát biểu sau đây để kiểm tra mức độ hiểu của bạn về phần trước.

1. 50 km mỗi giờ là tốc độ tối đa được phép đối với xe tải thông thường trên đường quốc lộ đi chung không có giới hạn tốc độ được biểu thị bằng biển báo hoặc vạch kẻ đường.
2. Đường quốc lộ đi chung không có giới hạn tốc độ được biểu thị bằng các biển báo hoặc vạch kẻ đường, tốc độ tối đa được phép đối với xe máy cỡ lớn là 60 km mỗi giờ và đối với xe máy thông thường là 50 km mỗi giờ.
3. Trên đường có biển báo bên phải đường biểu thị rằng tốc độ tối đa cho phép của xe đạp máy bình thông là 30 km/giờ.

4. Khoảng cách dừng tăng nếu người lái xe mệt mỏi, nếu mặt đường ướt do mưa, hoặc nếu phương tiện chở hàng hóa nặng.

▶ ▶ ▶ Các câu trả lời đúng được ghi ở trang cuối của cuốn sách.

Gợi Ý Nhanh

Khoảng Cách An Toàn Giữa Các Phương Tiện

Khoảng cách dừng nên được dùng làm hướng dẫn khi xác định khoảng cách an toàn giữa các phương tiện. Theo nguyên tắc chung, khi lái xe ở tốc độ từ 30 đến 60 km/giờ, khoảng cách giữa các phương tiện (tính bằng mét) phải là con số được biểu thị bằng đồng hồ tốc độ trừ đi 15.

Lưu ý:
Tình huống trên giả định mặt đường khô.

Ví dụ:
Khi đi với tốc độ 30 km/giờ...
30 - 15 = 15 mét trở lên
Khi đi với tốc độ 60km/giờ...
60 - 15 = 45 mét trở lên

2 Chú Ý Xe Đạp (Khi Đi Gần Họ, Khi Họ Đang Băng Qua Đường, v.v.)

1 Hãy Cân Nhắc Xe Đạp và Các Phương Tiện Khác

Xe đạp máy nhỏ được quy định và xe đạp là một loại phương tiện, vì vậy trên những con đường có sự phân biệt rõ ràng giữa lối đi bộ và đường bộ, quy tắc chung là các phương tiện phải đi trên đường.[1] Ở đâu có đường dành cho xe đạp, xe đạp phải đi trên đường đó. Người lái xe phải thận trọng khi xe đạp máy nhỏ được quy định hoặc xe đạp đang đi trên đường và lái xe thật cẩn thận để họ có thể đi lại an toàn.

*1
Xem Trang 50 để biết các trường hợp ngoại lệ đối với xe đạp sử dụng đường bộ.

2 Khi Đi Gần Xe Đạp và Các Phương Tiện Khác

Khi lái xe gần xe đạp máy nhỏ được quy định hoặc xe đạp, bạn phải dự đoán chao đảo hoặc các chuyển động khác của xe đạp máy nhỏ được quy định hoặc xe đạp và để lại **một khoảng an toàn, rộng rãi** hoặc **giảm tốc độ**. Tại các giao lộ, người lái xe nên cẩn thận để tránh va chạm vào xe đạp máy nhỏ được quy định hoặc xe đạp đang di chuyển phía bên trái và kiểm tra xem người điều khiển xe đạp máy nhỏ được quy định hoặc xe đạp có biết liệu xe đã đi vào giao lộ hay không.

Gợi Ý Nhanh

Xe đạp máy nhỏ được quy định

Bất kỳ ai trên 16 tuổi đều có thể đi xe đạp máy nhỏ được quy định, bất kể họ có bằng lái xe hay không.

Do vậy, họ có thể đi trên đường mà không hiểu đầy đủ các quy tắc giao thông. Hãy lái xe thật cẩn thận, giống như khi bạn đi ngang qua người đi bộ và xe đạp.

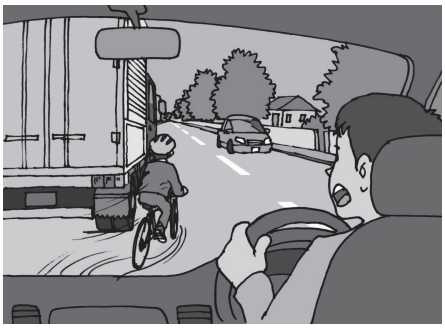

Cảnh giác với những chuyển động đột ngột của xe đạp trên đường.

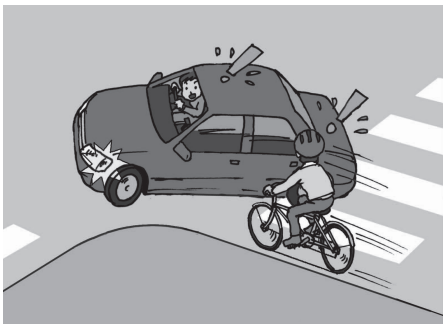

Không đánh giá sai tốc độ của một chiếc xe đạp đang đi.

3 Khi Đến Gần Vạch Sang Đường Dành Cho Xe Đạp

Khi xe đến gần vạch sang đường dành cho xe đạp, phải quan sát các hành động tương tự như khi đến gần vạch sang đường dành cho người đi bộ để đảm bảo xe đạp có thể đi qua an toàn. (Xem Trang 93 **7** và Trang 94 **8** và **9** .)

Đánh Giá Đánh dấu đúng hay sai cho từng phát biểu sau đây để kiểm tra mức độ hiểu của bạn về phần trước.

1. Khi đi gần người đi bộ, xe đạp máy nhỏ được quy định hoặc xe đạp, bạn phải tạo một khoảng an toàn, rộng rãi hoặc giảm tốc độ.
2. Khi lái xe qua vùng an toàn, bạn phải giảm tốc độ ngay cả khi không có người đi bộ.
3. Khi tiếp cận từ phía sau xe điện dừng ở trạm dừng xe điện và có vùng an toàn, bạn có thể giảm tốc độ ngay cả khi có hành khách lên xuống.
4. Khi đi dọc theo một chiếc xe dừng lại ở vạch sang đường dành cho người đi bộ, bạn phải quan sát người đi bộ và giảm tốc độ.

▶ ▶ ▶ Các câu trả lời đúng được ghi ở trang cuối của cuốn sách.

3 Những Nơi Cấm Vượt Xe

Trong các loại địa điểm sau đây, **việc thay đổi làn đường hoặc di chuyển dọc theo** ô tô hoặc xe đạp máy bình thông[1] để vượt qua đều bị cấm.

*1
Xe hạng nhẹ ...

Ngay cả ở những địa điểm cấm vượt xe, thì vẫn cho phép vượt các phương tiện hạng nhẹ như xe đạp và xe đạp máy nhỏ được quy định.

① Vị trí có biển báo cấm vượt

Cấm vượt

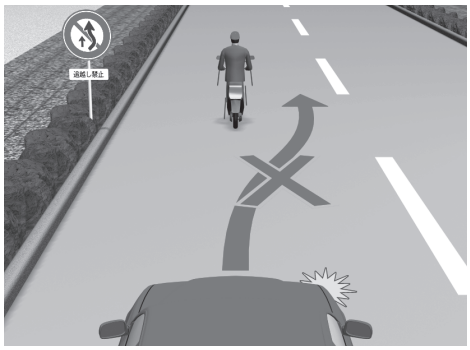

Gợi Ý Nhanh

② Ở các góc
③ Gần đỉnh dốc
④ Dọc theo một con dốc xuống thẳng đứng

Một số địa điểm có quy định bạn phải tuân theo, để lái xe với tốc độ chậm. Tham khảo trang 87.

② Ở các góc

Nếu bạn vượt...

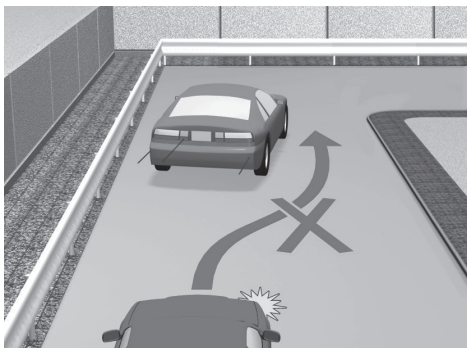

③ Gần đỉnh dốc

Nếu bạn vượt...

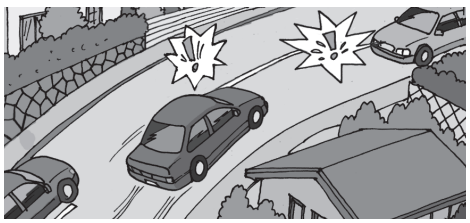

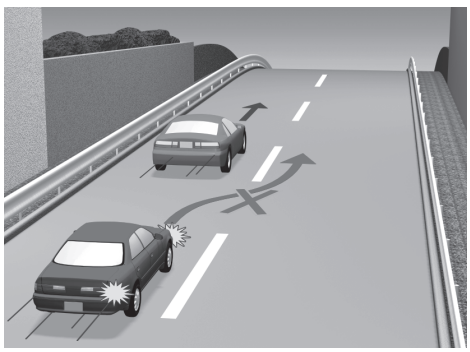

*2
Đường dốc xuống

Thường đề cập đến độ dốc từ 10% trở lên (giảm 10 mét trên mỗi 100 mét).

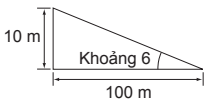

④ Dọc theo một con dốc xuống thẳng đứng[2]

Nếu bạn vượt....

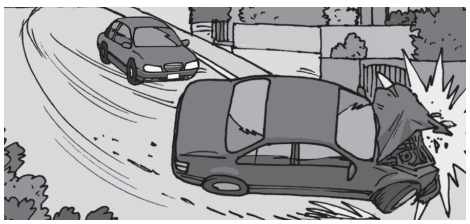

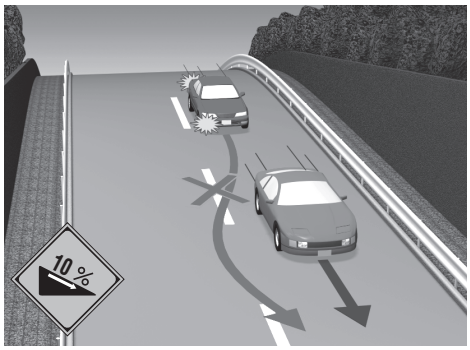

4 Nghiêm Cấm Sử Dụng Phần Đường Bên Phải Để Vượt Xe

Trong trường hợp có biển báo hoặc vạch kẻ đường biểu thị "Cấm Đi Vào Phần Đường Bên Phải Để Vượt Xe", người lái xe không được phép sử dụng phần đường bên phải để vượt xe.

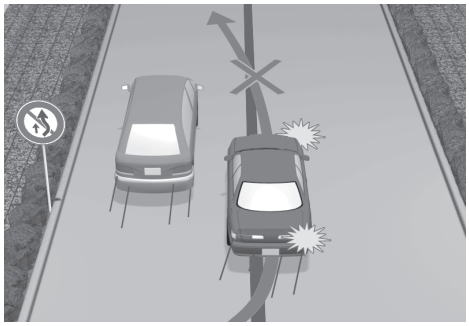

Cho dù có một hay hai vạch màu vàng, thì ý nghĩa cũng như nhau.

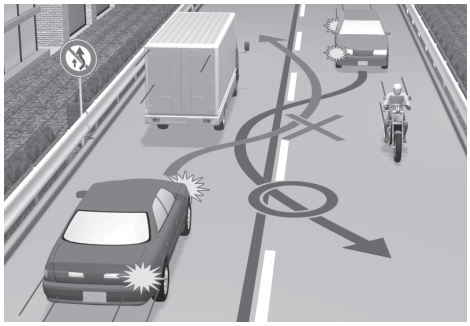

Khi có vạch màu vàng và trắng, vạch kẻ phía bên đường của người lái xe sẽ được áp dụng.

Gợi Ý Nhanh

● So sánh

Hai biển báo đường dưới đây tương tự như nhau, nhưng có ý nghĩa khác nhau. Hãy cẩn thận.

- Cấm Đi Vào Phần Đường Bên Phải Để Vượt Xe

Bạn không được phép di chuyển vào phần đường bên phải để vượt xe.

- Cấm Vượt

Ngay cả khi bạn không cần sử dụng phần đường bên phải để vượt xe, thì việc vượt xe vẫn bị cấm.

Điểm

Chiều Rộng Đường và Vạch Kẻ Đường Trung Tâm

Trên các đường có chiều rộng làn bên trái là 6 mét trở lên, cấm sử dụng phần đường bên phải để vượt xe. Trong trường hợp này, đường trung tâm là một vạch trắng liền nét.

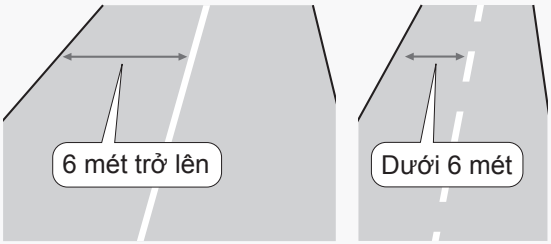

Đánh Giá

Đánh dấu đúng hay sai cho từng phát biểu sau đây để kiểm tra mức độ hiểu của bạn về phần trước.

1. Khi phương tiện phía trước bạn đang cố vượt một chiếc ô tô, bạn không được phép bắt đầu vượt.
2. Ngay cả ở những nơi cấm vượt xe thì vẫn cho phép vượt xe đạp máy bình thông.
3. Trên những con đường có biển báo bên phải, ngay cả khi bạn không cần sử dụng phần đường bên phải để đi, bạn cũng không được thay đổi làn đường hoặc di chuyển dọc theo ô tô hoặc xe đạp máy bình thông để vượt.
4. Cho phép vượt xe trên các đường cua khi bạn có thể nhìn thấy đủ xa phía trước.

▶ ▶ ▶ Các câu trả lời đúng được ghi ở trang cuối của cuốn sách.

Bài Học 13

Hệ Thống Giấy Phép Lái Xe và Hệ Thống Thông Báo Vi Phạm Giao Thông

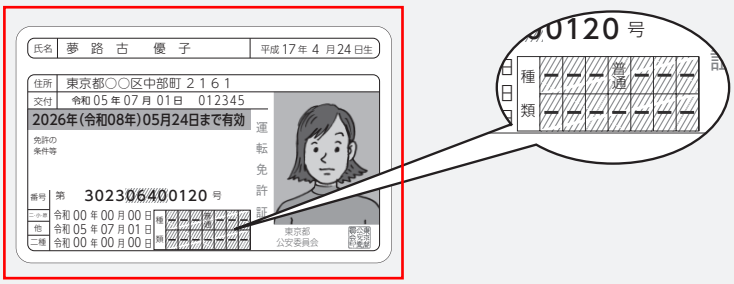

(Taxi chở khách)

Quan Điểm

Giấy phép lái xe của bạn chứa những thông tin gì?

Thoạt nhìn, giấy phép cho biết tên, địa chỉ, nơi thường trú, ngày sinh, ngày cấp giấy phép, ảnh chụp khuôn mặt của bạn và các thông tin khác để chứng minh danh tính của bạn. Vì vậy, phần “Loại” được để ở dưới cùng của giấy phép là gì? Và giấy phép này cho phép bạn đủ điều kiện lái những phương tiện nào trong hình trên?

▸▸▸ Xem phân tích ở trang 140.

1 Hệ Thống Giấy Phép Lái Xe của Nhật Bản

Sẽ rất nguy hiểm nếu những người không có kiến thức và kỹ năng cần thiết được phép lái xe ô tô và xe đạp máy bình thông trên đường[1] khi họ muốn.

Vì lý do này, giấy phép lái xe chỉ được cấp cho những người đáp ứng một số tiêu chí nhất định đủ điều kiện để họ lái xe như sở hữu kiến thức và kỹ năng cần thiết cho phép họ lái xe ô tô và xe đạp máy bình thông.

*1
Đường...
Đường bao gồm các khu vực mà người hoặc xe hơi có thể tiếp cận như công viên hoặc không gian mở. Xem trang 5 để biết chi tiết.

1 Nghiêm Cấm Lái Xe Mà Không Có Giấy Phép Hợp Lệ

Luật RT 64, 84 I

① Khi lái xe ô tô hoặc xe đạp máy bình thông trên đường, người lái xe phải được cấp phép lái loại xe đó hoặc kéo xe khác.[2]

② Một người được cấp phép nhưng giấy phép của họ lại bị treo[3] bị cấm lái xe trong thời gian treo giấy phép.

*2
Để kéo ...
Đề cập đến việc lai dắt một chiếc xe phía sau và kéo nó. Xem trang 127 liên quan đến giấy phép kéo xe.

*3
Bị treo...
Khi một số tiêu chí được đáp ứng, do vi phạm giao thông hoặc đã gây ra tai nạn, giấy phép có thể tạm thời bị vô hiệu. Tham khảo trang 133 để biết chi tiết.

Điểm

Ví Dụ về Lái Xe Không Có Giấy Phép Hợp Lệ

Lái xe trong bất kỳ điều kiện nào sau đây cấu thành hành vi lái xe không có giấy phép hợp lệ.

① Lái xe không có giấy phép lái xe.
② Lái xe sau ngày hết hạn giấy phép.
③ Lái xe sau khi bị thu hồi giấy phép.
④ Lái xe khi giấy phép bị treo hoặc tạm thời bị treo.
⑤ Lái xe sau khi vượt qua kỳ thi lấy giấy phép lái xe nhưng trước khi được cấp giấy phép.
⑥ Lái xe không có giấy phép (lái xe không được cấp phép).

2 Mang và Trình Giấy Phép Lái Xe

Luật RT 95

① Khi lái xe ô tô hoặc xe đạp máy bình thông, người lái xe **phải mang theo** giấy phép lái xe cho phép họ lái chiếc xe đó.

② Nếu bạn vi phạm giao thông hoặc gây ra tai nạn giao thông, bạn phải xuất trình giấy phép lái xe của mình cho cảnh sát khi được yêu cầu.

Gợi Ý Nhanh
Nếu bạn lái xe mà không mang theo giấy phép, vi phạm giao thông không phải là "lái xe không có giấy phép" mà là "không mang theo giấy phép lái xe."

3 Các Loại Giấy Phép và Bảo Hiểm Xe

Luật RT 84 II • III, 85, 86

(1) Phân Loại Giấy Phép

Giấy phép lái xe được phân thành ba loại sau đây.

Giấy phép hạng nhất (loại 1)	Cần thiết để điều khiển ô tô và xe đạp máy bình thông. (Không bao gồm những phương tiện cần giấy phép hạng hai.)
Giấy phép hạng hai (loại 2)	Cần thiết để điều khiển xe buýt, taxi hoặc phương tiện khác chuyên chở hành khách trả phí hoặc phương tiện cơ giới thông thường dành cho dịch vụ lái xe được chỉ định.[1]
Giấy phép người tập lái xe	Cần thiết để điều khiển một phương tiện cỡ lớn, phương tiện cỡ trung, phương tiện cỡ bán trung hoặc phương tiện cơ giới thông thường cho mục đích học lái xe hoặc làm bài thi lấy giấy phép lái xe.

*1
Đề cập đến một phương tiện chở khách thông thường do những người lái xe làm việc cho một nhà khai thác dịch vụ lái xe được chỉ định vận hành (chủ yếu dùng để chở người đã uống rượu về nhà).

Gợi Ý Nhanh

Xe buýt chở khách hoặc taxi có thể được lái mà không có giấy phép hạng hai nếu là để trả lại xe hoặc vì một lý do khác không liên quan đến việc chở hành khách.

(2) Các Loại Giấy Phép Hạng Nhất

Có mười loại giấy phép hạng nhất. Bảng dưới đây cho biết loại phương tiện nào có thể được lái với mỗi giấy phép.

Xe đủ điều kiện để lái / Loại giấy phép hạng nhất (tuổi tối thiểu)	Phương tiện cỡ lớn	Phương tiện cỡ trung	Phương tiện cỡ bán trung	Phương tiện cơ giới thông thường	Thiết bị hạng nặng đặc biệt	Xe máy cỡ lớn	Xe máy thông thường	Thiết bị hạng nhẹ đặc biệt	Xe đạp máy bình thông
Cỡ lớn (21) ※1	●	●	●	●				●	●
Cỡ trung (20) ※1		●	●	●				●	●
Cỡ bán trung (18)			●	●				●	●
Thông thường (18)				●※2				●	●
Thiết bị hạng nặng đặc biệt (18)					●			●	●
Xe máy cỡ lớn (18)						●※2	●※2	●	●
Xe máy thông thường (16)							●※2※3	●	●
Thiết bị hạng nhẹ đặc biệt (16)								●	
Xe đạp máy (16)									●
Giấy phép kéo xe (18)	Cần có loại giấy phép này để kéo một phương tiện nặng hơn 750 kg bằng cách sử dụng phương tiện cỡ lớn, phương tiện cỡ trung, phương tiện cỡ bán trung, phương tiện cơ giới thông thường hoặc thiết bị hạng nặng đặc biệt.※4								

※1
Tuổi tối thiểu là 19 nếu là người được chỉ định đặc biệt như là sĩ quan tự vệ v.v.

※2
Chỉ những ô tô có hộp số tự động mới có thể được lái với giấy phép chỉ định hộp số tự động.

※3
Chỉ những xe máy có dung tích từ 125 cc trở xuống hoặc công suất động cơ định mức từ 1,00 kW trở xuống mới có thể được điều khiển với giấy phép chỉ định xe máy cỡ nhỏ.

※4
Chỉ các rơ moóc cắm trại hoặc các rơ moóc khác có tổng trọng lượng dưới 2.000 kg mới có thể được kéo xe với giấy phép chỉ định các rơ moóc cỡ nhỏ.

Điểm

Các Loại Ô Tô, v.v.

Phương tiện cỡ lớn

Áp dụng cho một chiếc xe đáp ứng bất kỳ một trong những điều kiện sau đây và không phải là thiết bị hạng nặng đặc biệt, một chiếc xe máy cỡ lớn hoặc thông thường hoặc thiết bị hạng nhẹ đặc biệt.

- Tổng trọng lượng xe: 11.000 kg trở lên
- Công suất tải tối đa: 6.500 kg trở lên
- Số chỗ ngồi: 30 hành khách trở lên

Xe tải cỡ lớn

Xe khách lớn (xe buýt)

Phương tiện cỡ trung

Điều này áp dụng cho phương tiện đáp ứng bất kỳ một trong những điều kiện sau đây và không phải là phương tiện cỡ lớn, thiết bị hạng nặng đặc biệt, xe máy thông thường hoặc cỡ lớn, hoặc thiết bị hạng nhẹ đặc biệt.

- Tổng trọng lượng xe: từ 7.500kg trở lên đến dưới 11.000kg
- Công suất tải tối đa: từ 4.500kg trở lên đến dưới 6.500kg
- Số chỗ ngồi: 11 đến 29 hành khách

Lưu ý: Phương tiện cỡ trung được chỉ định: Tham khảo trang 40.

Xe tải cỡ trung

Xe khách cỡ trung

Phương tiện cỡ bán trung

Điều này áp dụng cho phương tiện đáp ứng bất kỳ một trong những điều kiện sau đây và không phải là phương tiện cỡ lớn, phương tiện cỡ trung, thiết bị hạng nặng đặc biệt, xe máy thông thường hoặc cỡ lớn, hoặc thiết bị hạng nhẹ đặc biệt.

- Tổng trọng lượng xe: từ 3.500kg trở lên đến dưới 7.500kg
- Công suất tải trọng tối đa: từ 2.000kg trở lên đến dưới 4.500kg

Lưu ý: Sức chứa từ 10 hành khách trở xuống.

Xe tải cỡ bán trung

Phương tiện cơ giới thông thường

Phương tiện đáp ứng tất cả các điều kiện sau đây và không phải là phương tiện cỡ lớn, phương tiện cỡ trung, phương tiện cỡ bán trung, thiết bị hạng nặng đặc biệt, xe máy cỡ lớn hoặc thông thường, hoặc thiết bị hạng nhẹ đặc biệt.

- Tổng trọng lượng xe: Dưới 3.500 kg
- Công suất tải tối đa: Dưới 2.000 kg
- Số chỗ ngồi: 10 hành khách trở xuống

Lưu ý: Ô tô con: Tham khảo trang 5.

Xe chở khách thông thường trên 50 cc đến 660 cc

Xe ô tô ba bánh hoặc xe tải

Ô tô con

Thiết bị hạng nặng đặc biệt

Phương tiện được sử dụng cho các hoạt động đặc biệt với cấu trúc đặc biệt, chẳng hạn như thiết bị kiểu bánh lốp hoặc bánh xích, không thuộc danh mục thiết bị hạng nhẹ đặc biệt về tốc độ và kích thước thân xe tối đa.

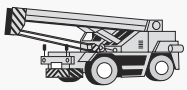

Xe máy cỡ lớn

Xe hai bánh có dung tích động cơ lớn hơn 400 cc hoặc công suất động cơ định mức hơn 20,0 kW (bao gồm cả xe máy có thùng gắn bên cạnh)

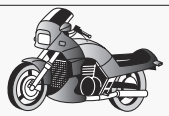

Xe máy thông thường

Xe hai bánh có dung tích động cơ trên 50 cc đến 400 cc hoặc công suất động cơ định mức trên 0,60 kW đến 20,0 kW (bao gồm cả xe máy có thùng gắn bên cạnh)

Thiết bị hạng nhẹ đặc biệt

Thiết bị đặc biệt đáp ứng tất cả các điều kiện sau đây.

- Tốc độ tối đa 15 km/giờ trở xuống
- Chiều dài 4,7 m trở xuống, chiều rộng 1,7 m trở xuống và chiều cao từ 2,0 m trở xuống (chiều cao từ 2,8 m trở xuống đối với xe có thiết bị an toàn, nhưng bản thân xe không được vượt quá 2,0 m)

Xe đạp máy bình thông

Xe hai bánh có dung tích động cơ từ 50 cc trở xuống hoặc công suất động cơ định mức từ 0,60 kW trở xuống (bao gồm cả xe đạp máy ba bánh), hoặc xe có ba bánh trở lên với dung tích động cơ từ 20 cc trở xuống hoặc công suất động cơ định mức từ 0,25 kW trở xuống

Xe đạp máy ba bánh

5 Kiểm Tra Chức Năng Nhận Thức Đặc Biệt và Khóa Học Người Lái Xe Lớn Tuổi Đặc Biệt

Luật RT 101-7 102

Người lái xe 75 tuổi trở lên vi phạm các luật giao thông nhất định do hành vi thường liên quan đến suy giảm nhận thức sẽ được yêu cầu thực hiện Kiểm Tra Chức Năng Nhận Thức Đặc Biệt. Nếu được xác định từ kết quả rằng sự suy giảm nhận thức có thể ảnh hưởng đến việc lái xe, người lái xe sẽ phải tham gia Khóa Học Người Lái Xe Lớn Tuổi Đặc Biệt. Nếu kết quả kiểm tra cho thấy người lái xe có vấn đề suy giảm trí nhớ, họ có thể phải làm Kiểm Tra Chức Năng Đủ Điều Kiện Đặc Biệt hoặc nộp một chứng nhận y tế từ bác sĩ của họ.

6 Hủy Giấy Phép Lái Xe bằng Đơn Đăng Ký

Luật RT 104-4

Khi không còn cần tới giấy phép lái xe, có thể gửi một đơn đăng ký tới ủy ban an toàn công cộng địa phương để hủy giấy phép.

Vào lúc đó, nếu chủ giấy phép yêu cầu, có thể được cấp một loại giấy phép khác[1], hoặc được cấp hồ sơ lái xe[2].

Đánh Giá Đánh dấu đúng hay sai cho từng phát biểu sau đây để kiểm tra mức độ hiểu của bạn về phần trước.

1. Với giấy phép lái phương tiện cỡ lớn, bạn có thể lái phương tiện cỡ lỡn, phương tiện cỡ trung, phương tiện cỡ bán trung, thiết bị hạng nặng đặc biệt, phương tiện cơ giới thông thường, thiết bị hạng nhẹ đặc biệt và xe đạp máy bình thông.
2. Khi tập lái sử dụng giấy phép người tập lái xe, cần phải có biển "người đang tập lái xe" đặt ở phía trước hoặc sau xe.
3. Với giấy phép lái xe máy thông thường, người lái xe được phép lái xe mô tô với dung tích động cơ 550 cc.

▶▶▶ Các câu trả lời đúng được ghi ở trang cuối của cuốn sách.

3 Hệ Thống Điểm

1 Sơ Bộ Hệ Thống Điểm

Hệ thống điểm được thiết kế để loại bỏ những người lái xe nguy hiểm khỏi đường bộ. Người lái xe ô tô hoặc xe đạp máy bình thông bị phạt một lượng điểm nhất định cho mỗi vi phạm giao thông hoặc việc gây tai nạn giao thông. Những điểm này được **cộng dồn trong ba năm**; khi tổng điểm đạt một mức nhất định, giấy phép lái xe của người đó sẽ bị treo hoặc thu hồi.

Lưu ý: Người lái xe mới và người lái xe trẻ tuổi[3] hội đủ các tiêu chí thì có thể cần phải tham gia một khóa huấn luyện bổ sung.

2 Vi Phạm và Điểm

(1) Điểm Cơ Bản

① Vi phạm pháp luật chung

Các sai phạm tương đối nhỏ được chỉ định là một, hai, hoặc ba điểm, trong khi các vi phạm lớn như lái xe khi say rượu, lái xe không có giấy phép, và trợ giúp cũng như xúi giục hành vi lái xe nguy hiểm bị phạt với mức phạt nặng hơn từ 6 tới 25 điểm.

*1
Các loại giấy phép khác nhau…
Ví dụ, nếu bạn muốn tiếp tục sử dụng giấy phép lái phương tiện cơ giới thông thường khi hủy giấy phép lái phương tiện cỡ trung của bạn, bạn có thể nhận một giấy phép cấp thấp hơn.

*2
Hồ sơ lái xe…
Một tài liệu hiển thị lịch sử lái xe của một người trong năm năm trước ngày hủy. Tài liệu này có thể được sử dụng thay cho giấy phép lái xe dưới dạng bằng chứng nhận dạng.

*3
Người lái xe trẻ tuổi…
Từ này chỉ những người đã nhận được giấy phép lái xe hạng hai (loại 2) hoặc xe lớn ở độ tuổi dưới 21 tuổi và chưa tròn 21 tuổi, hoặc những người nhận được bằng lái trung bình ở độ tuổi dưới 20 tuổi và chưa tròn 20 tuổi.

4 Thu Hồi hoặc Treo Giấy Phép Lái Xe

1 Từ Chối hoặc Giữ Giấy Phép Lái Xe

Luật RT 90

Trước khi được cấp giấy phép lái xe, một người mà có bất kỳ yếu tố nào sau đây áp dụng có thể **bị từ chối cấp giấy phép** hoặc **bị giữ giấy phép** lên tới sáu tháng ngay cả khi đã vượt qua kỳ thi cấp giấy phép.

Khi đã được cấp giấy phép lái xe, nếu có thể chứng minh ③ hoặc ④ phía dưới đã được áp dụng cho đối tượng, giấy phép có thể bị thu hồi hoặc treo trong sáu tháng.

① Một người mắc bệnh (thể chất hoặc tinh thần) đã được chỉ định theo luật pháp là bệnh có thể ảnh hưởng đến khả năng lái xe an toàn.

② Một người nghiện rượu, ma túy, cần sa, thuốc phiện hoặc chất kích thích.

③ Một người đã vi phạm giao thông hoặc gây ra tai nạn giao thông.

④ Một người xúi giục người lái xe vi phạm nghiêm trọng[1] hoặc sử dụng phương tiện không đi trên đường đã dẫn đến tử vong hoặc thương tích[2].

⑤ Một người đã nhận được thông báo để tham gia kiểm tra chất lượng đặc biệt.

Gợi Ý Nhanh

Trong trường hợp tai nạn dẫn đến tử vong hoặc thương tích, lái xe khi say rượu hoặc không hỗ trợ người bị thương tức là (i.e., đâm xe và bỏ chạy), lái xe gây cản trở có thể từ chối cấp hoặc thu hồi giấy phép lái xe.

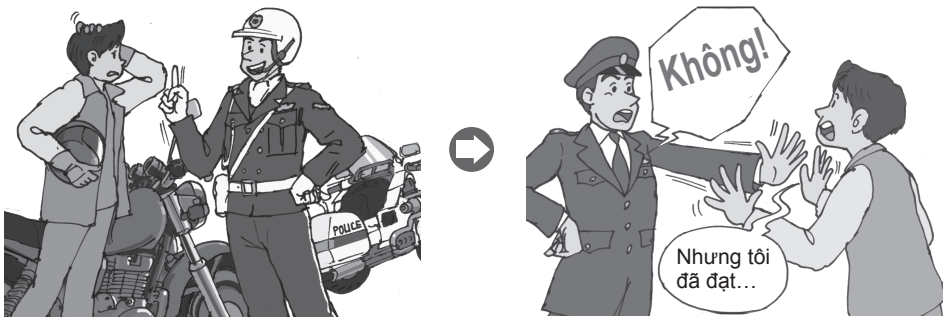

*1 Một hành vi xúi giục hoặc tiếp tay cho người lái ô tô hoặc xe đạp máy bình thông vi phạm nghiêm trọng.

*2 Một hành động dẫn đến tử vong hoặc thương tích khi lái xe ô tô hoặc xe đạp máy bình thông không chạy trên đường.

2 Thu Hồi hoặc Treo Giấy Phép Lái Xe

Luật RT 103

Một người được cấp giấy phép có thể bị **thu hồi** hoặc **treo** giấy phép đó trong vòng sáu tháng nếu bất kỳ điều nào sau đây áp dụng.

① Nếu được xác nhận rằng người đó mắc bệnh hoặc có khuyết tật (cả về thể chất hoặc tinh thần) đã được pháp luật chỉ định là có thể ảnh hưởng đến khả năng lái xe an toàn.

② Nếu được xác nhận rằng người đó nghiện rượu, ma túy, v.v.

③ Nếu người đó vi phạm giao thông hoặc gây ra tai nạn giao thông.

④ Nếu người đó xúi giục người lái xe vi phạm nghiêm trọng hoặc sử dụng phương tiện không đi trên đường đã dẫn đến tử vong hoặc thương tích.

⑤ Nếu sợ rằng một người đã có giấy phép sẽ gây nguy hiểm lớn khi tham gia giao thông nếu người đó lái xe.

Vi Phạm Giao Thông Chính và Số Tiền Phạt

(Đơn vị khoản phạt: 1.000 yên)

Vi phạm giao thông		Điểm	Điểm do sử dụng chất cồn	Số tiền phạt			
				Lớn	Thường	Xe máy	Xe đạp máy, v.v.
Tội ngộ sát trong khi lái xe và v.v.		62					
Làm người khác bị thương trong khi lái xe và v.v.	Nằm viện hơn 3 tháng bị hậu quả của chấn thương	55					
	Nằm viện hơn 30 ngày	51					
	Nằm viện hơn 15 ngày	48					
	Nằm viện dưới 15 ngày	45					
	Phá hoại tài sản cá nhân	45					
Lái xe bất cẩn gây ra tử vong v.v.		62					
Lái xe bất cẩn gây thương tích v.v.	Nằm viện hơn 3 tháng bị hậu quả của chấn thương	55					
	Nằm viện hơn 30 ngày	51					
	Nằm viện hơn 15 ngày	48					
	Nằm viện dưới 15 ngày	45					
Lái xe khi say rượu		35					
Lái xe khi sử dụng ma túy, v.v.		35					
Lái xe gây cản trở (rủi ro giao thông nghiêm trọng)		35					
Không hỗ trợ người bị thương tích		35					
Lái xe khi sử dụng chất có cồn	0,25 trở lên	25					
	Từ 0,15 đến 0,25	13					
Trợ giúp và xúi giục lái xe nguy hiểm		25					
Lái xe gây cản trở (Gây nguy hiểm giao thông)		25					
Lái xe mà không có giấy phép		25					
Điều khiển các phương tiện cỡ lớn, v.v. mà không có đủ trình độ hoặc giấy phép cần thiết		12	19				
Lái xe trái phép bằng giấy phép người tập lái xe		12	19				
Lái xe trong tình trạng kiệt sức về thể chất, v.v.		25					
Lái xe không có kiểm tra xe cơ giới (Luật Phương Tiện)		6	16				
Lái xe không có bảo hiểm (Luật Bảo Hiểm Trách Nhiệm Ô Tô)		6	16				
Vượt tốc độ	50km trở lên	12	19				
	Từ 30km (40 km đối với đường cao tốc) đến 50 km	6	16				
	Đường cao tốc: Từ 35 km đến 40 km	3	15	40	35	30	20
	Đường cao tốc: Từ 30 km đến 35 km	3	15	30	25	20	15
	Từ 25 km đến 30 km (40km đối với đường cao tốc)	3	15	25	18	15	12
	Từ 20 km đến 25 km	2	14	20	15	12	10
	Từ 15 km đến 20 km	1	14	15	12	9	7
	Dưới 15 km	1	14	12	9	7	6
Bỏ qua tín hiệu giao thông	Đèn đỏ, v.v.	2	14	12	9	7	6
	Đèn flash	2	14	9	7	6	5
Lái xe tại nơi bị cấm		2	14	9	7	6	5
Lái xe sai làn		2	14	12	9	7	6
Phanh gấp không hợp lệ		2	14	9	7	6	5
Vượt xe trái phép		2	14	12	9	7	6
Không dừng lại tại đường cắt ngang đường sắt		2	14	12	9	7	6
Đi vào đường cắt ngang đường sắt khi bị cấm		2	14	15	12	9	7
Không nhường đường cho xe có quyền ưu tiên		2	14	9	7	6	5
Không tập trung chú ý ở giao lộ		2	14	12	9	7	6
Không nhường đường cho xe tại vòng xuyến		2	14	9	7	6	5
Không tập trung chú ý tại vòng xuyến		2	14	12	9	7	6
Cản trở đường dành cho người đi bộ		2	14	12	9	7	6
Không giảm tốc độ trong vùng tốc độ chậm		2	14	9	7	6	5
Đỗ xe và vi phạm gửi xe	Đỗ xe và dừng xe trong khu vực cấm	3		27	25	20	18
	Đỗ xe trong khu vực cấm	2		23	21	17	15
Vi phạm Đỗ Xe hoặc Dừng Xe	Đỗ xe và dừng xe trong khu vực cấm	2	14	17	15	14	12
	Đỗ xe trong khu vực cấm	1	14	14	12	12	10
Vượt quá giới hạn tải	100% trở lên	6	3	16	15	35	30
	50% đến 99%	3	2	15	14	40	30
	Dưới 50%	2	1	14	14	30	25
Lỗi bảo dưỡng xe	Cơ chế hãm phanh và tương tự	2		14		12	9
	Đèn hậu	1		14		9	7

Vi phạm giao thông		Điểm	Điểm do sử dụng chất cồn	Số tiền phạt			
				Lớn	Thường	Xe máy	Xe đạp máy, v.v.
Máy ghi điều kiện hoạt động bị lỗi		2	14	12	9	7	6
Không dừng xe ở nơi quy định		2	14	9	7	6	5
Không lái xe cẩn thận		2	14	12	9	7	6
Cản trở lối đi của trẻ nhỏ		2	14	9	7	6	5
Sử dụng điện thoại hoặc thiết bị tương tự (Gây ra mối nguy hiểm giao thông)		6	16				
Sử dụng điện thoại hoặc thiết bị tương tự (Cầm điện thoại)		3	15	25	18	15	12
Lái xe ồn ào		2	14	7	6	6	5
Không trang bị cho xe một bộ giảm âm phù hợp		2	14	7	6	6	5
Vi phạm giao thông khi đi qua đường chính, nơi bị cấm		2	14	12	9	7	
Bỏ qua lệnh áp dụng các biện pháp trên đường cao tốc quốc gia		2	14	12	9	7	
Không đáp ứng yêu cầu giấy phép		2	14	9	7	6	5
Không hiển thị biển số		2	14				
Lưu giữ xe và vi phạm luật đỗ xe	Sử dụng đường để đỗ xe	3					
	Đỗ xe một thời gian dài trong một khu vực hạn chế	2					
Vi phạm trong khu vực xe đi qua		1	14	7	6	6	5
Không nhường đường cho xe buýt trong làn đường ưu tiên cho xe buýt		1	14	7	6	6	5
Lái xe trong làn đường dành cho xe điện		1	14	6	4	4	3
Băng qua tại một địa điểm cấm được chỉ định		1	14	7	6	6	5
Không duy trì khoảng cách an toàn giữa các xe		1	14	7	6	6	5
	Đường cao tốc	2	14	12	9	7	
Đổi làn bất hợp pháp		1	14	7	6	6	5
Vi phạm về nghĩa vụ của các xe bị vượt		1	14	7	6	6	5
Cản trở phương tiện công cộng		1	14	7	6	6	5
Tạt đầu		1	14	7	6	6	5
Vi phạm phương thức rẽ phải-rẽ trái đối với ô tô, ví dụ: tại giao lộ		1	14	6	4	4	3
Không quan sát khu vực được chỉ định cho xe đi qua		1	14	7	6	6	5
Cản trở phương thức xe rẽ trái ở vòng xuyến		1	14	6	4	4	3
Cản trở xe có quyền ưu tiên ở giao lộ		1	14	7	6	6	5
Cản trở xe cấp cứu		1	14	7	6	6	5
Vi phạm điểm không ra vào tại một giao lộ		1	14	7	6	6	5
Lái xe không có đèn pha		1	14	7	6	6	5
Không làm mờ đèn pha		1	14	7	6	6	5
Không bật xi nhan		1	14	7	6	6	5
Phớt lờ bấm còi		1	14	7	6	6	5
Điều khiển xe hoặc chất hàng không đúng cách		1	14	7	6	6	5
Vượt quá khả năng tải hàng của xe		1	14	7	6	6	5
Vượt quá kích thước tải hàng		1	14	9	7	6	5
Vượt quá giới hạn phương thức tải		1	14	9	7	6	5
Vi phạm nghĩa vụ ngăn chặn tải lượng rơi/trượt		1	14	7	6	6	5
Vi phạm biện pháp ngăn chặn tải lượng rơi		1	14	7	6	6	5
Bỏ qua nghĩa vụ bảo vệ những người lái xe vừa nhận được giấy phép lái xe		1	14	7	6	6	
Không thắt dây an toàn		1	14				
Không sử dụng ghế cho trẻ em		1	14				
Không đội mũ bảo hiểm		1	14				
Điều khiển xe máy cỡ lớn không đúng cách		2	14			12	
Vi phạm các điều kiện sử dụng hệ thống lái xe tự động		2	14	12	9	7	6
Không để biển người mới lái xe		1	14	6	4		
Không có nhãn dán nào cho Người Lái Xe Có Khó Khăn về Thính Giác trên xe của mình		1	14	6	4		
Cản trở xe cấp cứu trên đường chính		1	14	7	6	6	
Vi phạm các quy tắc quản lý lối vào/ra từ làn đường chính		1	14	6	4	4	
Vi phạm các quy tắc quản lý lối vào/ra từ làn đường chính bằng xe kéo		1	14	7	6		
Không cung cấp điểm đánh dấu tại nơi xảy ra sự cố		1	14	7	6	6	
Tạt bùn trong khi lái xe				7	6	6	5
Không tuân thủ các nghĩa vụ theo quy định của Ủy Ban An Toàn Công Cộng				7	6	6	5
Không mang giấy phép lái xe				3	3	3	3

Lưu ý: Màu sắc cụ thể này cho biết đây là vi phạm luật giao thông đặc biệt và những màu khác là vi phạm luật giao thông chung.

Lưu ý: "Lớn" chỉ các phương tiện lớn, phương tiện cỡ trung, bán trung và các thiết bị đặc biệt hạng nặng. Các phương tiện hạng nặng được kéo sẽ chịu theo "Vi phạm dừng hoặc đỗ (Dừng hoặc đỗ tại khu vực cấm)". "Xe máy" chỉ xe máy thông thường và kích thước lớn. "Xe đạp máy, v.v." chỉ các thiết bị đặc biệt hạng nhẹ và xe đạp máy.

Lưu ý: Khi vi phạm và phát hiện hơi thở của người lái xe có cồn (với nồng độ cồn trong hơi thở từ 0,15mg/lít đến 0,25mg/lít), người lái xe sẽ bị buộc tội lái xe có sử dụng cồn và sẽ bị phạt điểm.

Lưu ý: Số tiền ở bên trái của cột "Số tiền phạt" cho "Vi phạm đỗ xe và gửi xe" và "Vi phạm dừng hoặc đỗ" cho biết số tiền phạt cho các vi phạm đó tại các khu vực đặc biệt cho người lái xe lớn tuổi, v.v. Số tiền ở bên phải cho biết số tiền phạt cho các vi phạm như vậy tại tất cả các khu vực.

Lưu ý: Các điểm vượt quá giới hạn mức tải và lái xe khi sử dụng rượu được cho biết ở cột bên trái cho các phương tiện lớn, và cho biết ở cột bên phải cho các phương tiện thông thường.

Lưu ý: Sử dụng điện thoại di động hoặc tương tự (gây mối nguy hiểm giao thông) là vi phạm các điều khoản phạt.

Lưu ý: Các điểm sẽ bị phạt cho việc "Không thắt dây an toàn" khi ngồi ở ghế sau chỉ khi vi phạm trên đường cao tốc.

● Điểm Phạt Cơ Bản

<Vi phạm pháp luật chung>

Hình thức phạt / Số lần xảy ra trước đó	Treo hoặc Giữ	Thu Hồi hoặc Từ Chối				
		Bị truất quyền trong một năm (ba năm)	Bị truất quyền trong hai năm (bốn năm)	Bị truất quyền trong ba năm (năm năm)	Bị truất quyền trong bốn năm (năm năm)	Bị truất quyền trong năm năm
Không	6–14	15–24	25–34	35–39	40–44	45 trở lên
Một	4–9	10–19	20–29	30–34	35–39	40 trở lên
Hai	2–4	5–14	15–24	25–29	30–34	35 trở lên
Ba trở lên	2 hoặc 3	4–9	10–19	20–24	25–29	30 trở lên

<Vi phạm pháp luật đặc biệt>

Hình thức phạt / Số lần xảy ra trước đó	Thu Hồi hoặc Từ Chối							
	Bị truất quyền trong ba năm (năm năm)	Bị truất quyền trong bốn năm (sáu năm)	Bị truất quyền trong năm năm (bảy năm)	Bị truất quyền trong sáu năm (tám năm)	Bị truất quyền trong bảy năm (chín năm)	Bị truất quyền trong tám năm (mười năm)	Bị truất quyền trong chín năm (mười năm)	Bị truất quyền trong mười năm
Không	35–39	40–44	45–49	50–54	55–59	60–64	65–69	70 trở lên
Một		35–39	40–44	45–49	50–54	55–59	60–64	65 trở lên
Hai			35–39	40–44	45–49	50–54	55–59	60 trở lên
Ba trở lên				35–39	40–44	45–49	50–54	55 trở lên

Lưu ý: Số lần vi phạm trước đó là số lần mà giấy phép lái xe bị thu hồi, treo hoặc giữ lại trong vòng ba năm qua.
Lưu ý: Việc từ chối hoặc giữ lại giấy phép được tính từ ngày vi phạm giao thông mới nhất.
Lưu ý: Số trong ngoặc đơn cho biết khoảng thời gian mất hiệu lực giấy phép lái xe hoặc từ chối cấp lại giấy phép lái xe trong vòng 5 năm, sau khoảng thời gian không có giấy phép lái xe.

Đánh Giá

Đánh dấu đúng hay sai cho từng phát biểu sau đây để kiểm tra mức độ hiểu của bạn về phần trước.

1. Khi có những thay đổi về thông tin cá nhân như nơi cư trú hợp pháp, địa chỉ hoặc tên, bạn được phép báo cáo thay đổi cho ủy ban an toàn công cộng địa phương của mình vào lần gia hạn giấy phép tiếp theo.
2. Giấy phép có thể được gia hạn hai tháng trước khi hết thời hạn hiệu lực.
3. Trước khi được cấp giấy phép, nếu bạn vi phạm giao thông hoặc gây ra tai nạn, bạn sẽ không được nhận giấy phép hoặc việc cấp giấy phép có thể bị giữ lại trong một thời gian nhất định.
4. Nếu bạn vi phạm giao thông trong thời hạn người mới lái xe và đã nhận được thông báo yêu cầu bạn tham gia khóa học dành cho người mới lái xe nhưng bạn không tham gia khóa học, bạn sẽ phải thi lại.

▶ ▶ ▶ Các câu trả lời đúng được ghi ở trang cuối của cuốn sách.

OPEN SESAME !!

Back | Forward | Home | Refresh | Images | Open | Print | Search | Stop | Giai Đoạn 1 – Bài Học 13

Về hình ảnh ở trang 123…

Quan Điểm

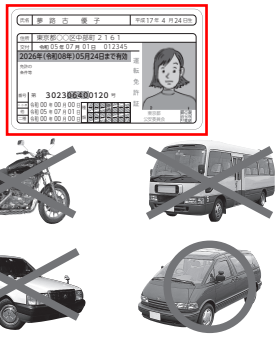

“Tôi không biết” là một lý do không thể tha thứ được.

Điều hiển nhiên đối với taxi và xe buýt, cũng như với xe tải và xe máy, là phải kiểm tra giấy phép để xác định xem một người có được phép lái những chiếc xe đó hay không. Ví dụ, nếu bạn đang định chuyển nhà và đã mượn xe tải, bạn có thể thắc mắc liệu giấy phép thông thường có cho phép bạn lái xe này không; hay bạn đã cho bạn mình mượn xe máy cỡ lớn mà người bạn đó lại chỉ có giấy phép lái xe máy thông thường.

Vì vậy, cần phải biết giới hạn chở hành khách, tải trọng tối đa, và các yêu cầu khác cho các loại phương tiện khác nhau, và biết phương tiện nào có thể được lái bằng loại giấy phép nào để bạn không rơi vào tình trạng lái phương tiện mà không có giấy phép hợp lệ.

TIẾP THEO

(2) Khi báo cáo trước về động đất khẩn cấp được ban bố khi bạn đang không lái xe

Sử dụng ô tô để sơ tán có thể gây ra hỗn loạn trên đường và cản trở các phương tiện khẩn cấp đi lại, do đó trừ khi bạn cần chạy khỏi sóng thần, không được sử dụng ô tô của mình.

2 Khi Báo Cáo Trước về Động Đất Khẩn Cấp được Ban Bố

Cảnh Báo Sớm Động Đất sẽ phải được ban bố bởi Cơ Quan Khí Tượng. Nếu cường độ động đất của trận động đất được dự báo cao hơn là chỉ ở dưới mức 5, bất kỳ khu vực nào được dự báo sẽ trải qua động đất cường độ lớn hơn 4 sẽ được thông báo trước khi rung chấn xảy ra.

Nếu bạn được thông tin về báo cáo trước về động đất khẩn cấp khi đang lái xe, bạn cần bình tĩnh và báo động lái xe xung quanh mình bằng đèn cảnh báo nguy hiểm, sau đó từ từ giảm tốc độ, tránh phanh xe đột ngột.

3 Khi Động Đất Lớn Xảy Ra

Khi động đất lớn xảy ra, người lái xe phải thực hiện các biện pháp dưới đây.

(1) Khi động đất lớn xảy ra trong khi bạn đang lái xe

- Khi động đất lớn xảy ra khi bạn đang lái xe, ô tô sẽ bị rung lắc mạnh và mất kiểm soát tay lái. Trong trường hợp này, hãy bám chặt tay lái, tránh đánh lái bất ngờ hoặc phanh bất ngờ và tấp xe vào bên trái đường theo lối an toàn nhất.

2 Các Mục Kiểm Tra và Cách Kiểm Tra

Tiến hành kiểm tra trước khi lái xe hàng ngày theo cách thức được mô tả trong các bảng sau. Quy trình này tuân thủ theo các tiêu chuẩn kiểm tra trước khi lái xe hàng ngày theo luật định.

Thực hiện việc kiểm tra xe bốn bánh khi ngồi ở chỗ ngồi của người lái xe, đồng thời quan sát dưới mui xe (trong khoang động cơ) và từ bên ngoài ô tô.

Lưu ý: Kiểm tra xe hai bánh từ vành xe.

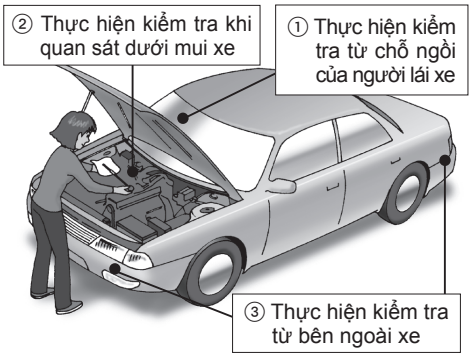

(1) Kiểm Tra Các Bất Thường Nhận Thấy trong khi Lái Xe

Mục kiểm tra	Quy trình kiểm tra đối với xe bốn bánh	Quy trình kiểm tra đối với xe hai bánh
Vị trí các bất thường xảy ra trong lần lái xe trước	Kiểm tra vị trí các bất thường nhận thấy vào ngày hôm trước hoặc lần cuối cùng lái phương tiện và đảm bảo không có bất kỳ trở ngại nào đối với việc lái xe.	

(2) Thực Hiện Kiểm Tra từ Chỗ Ngồi của Người Lái Xe (kiểm tra từ vành xe hai bánh)

Mục kiểm tra	Quy trình kiểm tra đối với xe bốn bánh	Quy trình kiểm tra đối với xe hai bánh
Thì nhấn của bàn đạp phanh, thì kéo của cần phanh và độ ăn phanh	Kiểm tra xem khoảng cách giữa bàn đạp và sàn xe và lực cản nhấn bàn đạp đã phù hợp chưa khi bàn đạp bị nhấn xuống hết mức. 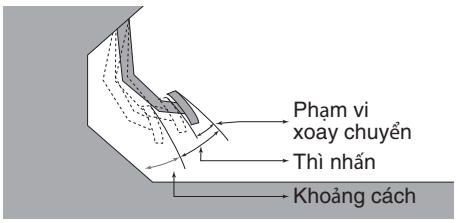 Lưu ý: Nếu khoảng cách tới sàn xe nhỏ hoặc lực cản nhấn có vẻ yếu thì có nguy cơ rò rỉ dầu phanh hoặc không khí trong hệ thống, dẫn đến có thể làm giảm độ ăn phanh.	Kiểm tra cần phanh và/hoặc bàn đạp phanh để biết chính xác cả về phạm vi xoay chuyển và lực cản kéo hay nhấn. 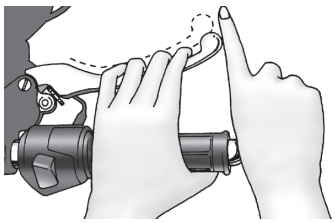 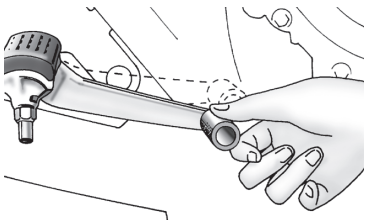
Thì kéo của cần phanh khi đỗ xe hoặc thì nhấn của bàn đạp phanh khi đỗ xe	Kéo (nhấn) cần (bàn đạp) hết mức và kiểm tra để đảm bảo phạm vi chuyển động không quá lớn cũng không quá nhỏ. 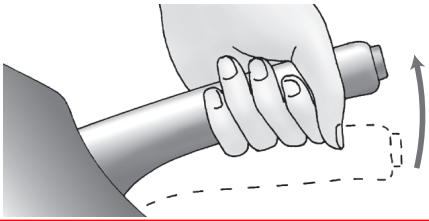 Lưu ý: Đối với ô tô được trang bị phanh tay điện tử, hãy kiểm tra phương tiện bằng mắt thường để xem có bất kỳ đèn cảnh báo nào liên quan đến hệ thống phanh được bật hay không.	Lưu ý: Với phanh thủy lực, có nguy cơ rò rỉ dầu phanh hoặc không khí trong hệ thống, dẫn đến có thể làm giảm độ ăn phanh nếu khoảng cách giữa cần và báng cầm là nhỏ, chuyển động của bàn đạp là quá lớn hoặc nếu lực cản kéo (nhấn) có vẻ yếu khi bàn đạp bị kéo (nhấn) mạnh.

(4) Thực Hiện Kiểm Tra từ Vành Xe

Mục kiểm tra	Quy trình kiểm tra đối với xe bốn bánh / Quy trình kiểm tra đối với xe hai bánh
Độ chiếu sáng, độ sạch sẽ, hư hỏng và nhấp nháy đèn và đèn báo hướng	● Xoay công tắc đánh lửa và kiểm tra xem đèn pha và đèn phanh, v.v., có chiếu sáng chính xác không. Đồng thời kiểm tra xem các đèn báo hướng có nhấp nháy chính xác không. ● Kiểm tra để đảm bảo các ống kính có sạch và không bị hư hỏng. Lưu ý: Không thể kiểm tra đèn đuôi và đèn báo hướng trừ khi đã bật công tắc đánh lửa. Hãy cẩn thận đảm bảo phương tiện không đột nhiên bắt đầu di chuyển khi bạn bật chìa khóa. Lưu ý: Sử dụng một bức tường hoặc hàng rào hoặc sự giúp đỡ của người khác để thực hiện các kiểm tra ánh sáng này. 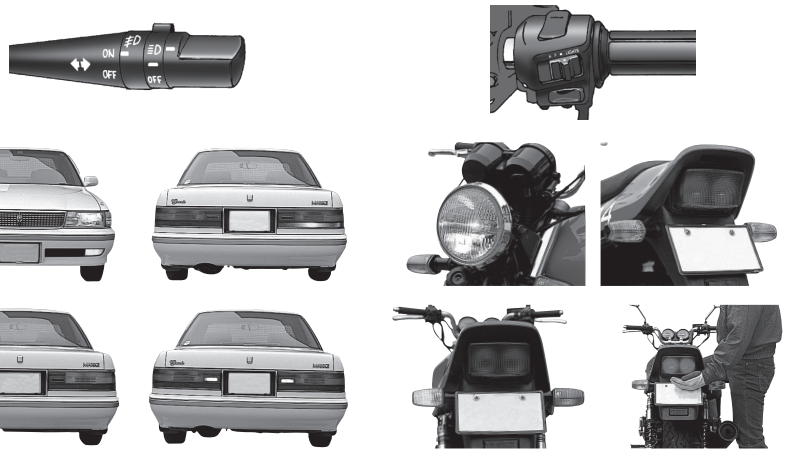
Áp suất lốp	Kiểm tra độ võng của phần lốp tiếp xúc với mặt đất để xác định xem áp suất lốp có đủ không. 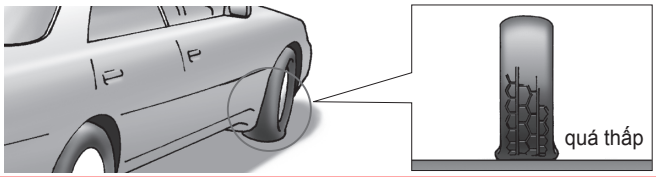 Lưu ý: Đối với ô tô được trang bị thiết bị giám sát áp suất lốp, hãy kiểm tra bằng mắt thường màn hình hiển thị áp suất lốp từ ghế lái để xem áp suất có ở mức quy định hay không.
Các vết nứt và hư hỏng lốp khác	Kiểm tra toàn bộ chu vi của mỗi lốp xe và đảm bảo rằng không có vết nứt hoặc bất hư hỏng nào khác. Đồng thời đảm bảo rằng không có đinh, đá hoặc các vật lạ khác đâm hoặc gắn chặt vào lốp xe.
Độ mòn lốp bất thường và độ sâu gai lốp*	Kiểm tra để đảm bảo không có chỗ nào trên bề mặt lốp tiếp xúc với mặt đất bị mòn quá mức. Sử dụng chỉ báo hao mòn (ví dụ: các đường gai lốp được chạm trổ) hoặc các phương tiện khác để kiểm tra xem độ sâu của gai lốp có đủ không.

3 Hạn Chế đối với Hành Khách và Trọng Tải Xe

1 Sức Chứa và Hạn Chế về Trọng Tải

Luật RT 57 I
Pháp Lệnh Thi Hành 22, 23
Tiêu Chuẩn An Toàn 53 II

Người điều khiển phương tiện không được cố gắng chở nhiều hơn sức chứa được thiết lập (bao gồm cả người lái xe) hoặc nhiều hơn các hạn chế về hàng hóa cho phép.

● Sức Chứa và Hạn Chế về Trọng Tải

Loại Phương Tiện	Sức Chứa	Công Suất Tải	Kích Thước và Phương Pháp Vận Chuyển Hàng Hóa
Phương tiện cơ giới thông thường, xe cỡ bán trung, xe cỡ trung, xe cỡ lớn và thiết bị hạng nặng đặc biệt	Theo ghi chú trên giấy chứng nhận kiểm định ô tô hoặc giấy chứng nhận đăng ký ô tô nhỏ gọn. (Ô tô con một người ngồi.)	Theo ghi chú trên giấy chứng nhận kiểm định ô tô hoặc giấy chứng nhận đăng ký ô tô nhỏ gọn. (Ô tô con có thể chở 90 kg.)	Chiều dài ô tô x 1,2 hoặc thấp hơn (Chiều dài + 1/10 chiều dài hoặc thấp hơn đối với phía trước và sau tương ứng) Chiều rộng ô tô x 1,2 hoặc thấp hơn (Chiều rộng + 1/10 chiều rộng hoặc thấp hơn đối với bên trái và bên phải tương ứng) 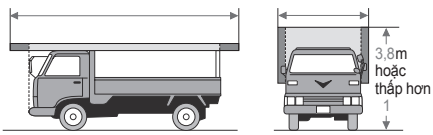 Chiều cao lên tới tối đa 2,5 m là được phép cho phương tiện cơ giới thông thường ba bánh và phương tiện cơ giới thông thường có tổng dung tích động cơ là 660 cc trở xuống.
Xe máy thông thường và xe máy cỡ lớn (không bao gồm xe máy có thùng)	1 (2 người có thể cùng ngồi nếu có một ghế trống khác ngoài ghế ngồi của người lái xe.)	60 kg	Chiều dài thiết bị chuyên trở + 0,3 m hoặc thấp hơn Chiều rộng thiết bị chuyên trở + 0,15m hoặc thấp hơn bên trái và bên phải 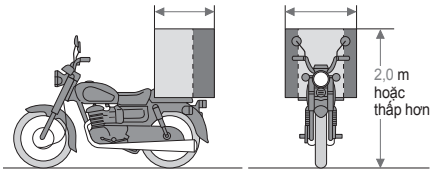
Xe đạp máy bình thông	1	30 kg	
Thiết bị hạng nhẹ đặc biệt	1 (2 người có thể cùng ngồi nếu có một ghế trống khác ngoài ghế ngồi của người lái xe.)	700 kg	Chiều dài ô tô x 1,2 hoặc thấp hơn (Chiều dài + 1/10 chiều dài hoặc thấp hơn đối với phía trước và sau tương ứng) Chiều rộng ô tô x 1,2 hoặc thấp hơn (Chiều rộng + 1/10 chiều rộng hoặc thấp hơn đối với bên trái và bên phải tương ứng) 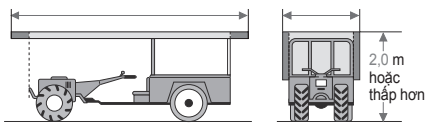

Cách Tính Sức Chứa Khi Chở Trẻ Em

Tính ba đứa trẻ dưới 12 tuổi bằng hai người lớn.

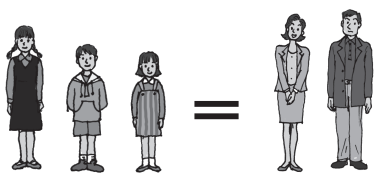

Tính toán sức chứa

(Sức chứa – số lượng người lớn ngồi) × 1,5 = số lượng trẻ em có thể ngồi

Lưu ý: Bỏ phần sau dấu thập phân.

Ví dụ thực hành

Nếu 2 người lớn đang ngồi trong ô tô có sức chứa 5 người thì có bao nhiêu trẻ em có thể đi xe?

Trả lời

trẻ em

*1

Hạn Chế về Chiều Cao của Phương Thức Tải

Tùy thuộc vào đường và điều kiện lái xe, có những trường hợp đặc biệt trong đó Ủy Ban An Toàn Công Cộng đã xác định rằng chiều cao của phương tiện không quá 4,1m được chấp thuận nếu xác định rằng không có chướng ngại vật trên đường.

Gợi Ý Nhanh

Những hạn chế liên quan đến phương tiện cơ giới thông thường loại đặc biệt và thiết bị hạng nặng đặc biệt?

Sức chứa và tải tối đa của phương tiện như sau:

① Phương tiện thông thường sử dụng trong nông nghiệp được sử dụng để phun thuốc trừ sâu không thể di chuyển ở tốc độ lớn hơn 35 km/giờ:
Sức chứa: 1 Người
Công suất tải: 1.500 kg

② Thiết bị hạng nặng đặc biệt dùng cho công việc nông nghiệp không thể di chuyển với tốc độ lớn hơn 35km/giờ
Sức chứa: 1 Người

③ Thiết bị hạng nặng đặc biệt có chiều dài từ 4,7m trở xuống, chiều rộng từ 1,7m trở xuống và chiều cao 2,8m trở xuống không thể di chuyển ở tốc độ lớn hơn 15km/giờ
Sức chứa: 1 Người
Công suất tải: 1.000 kg

Lưu ý: Xem câu trả lời ở trang bên.

Luật Phòng Cháy Chữa Cháy 16, Pháp Lệnh Thi Hành về hạn chế các chất nguy hiểm 28, 29, 30

5 Vận Chuyển Các Chất Nguy Hiểm

Khi vận chuyển các chất nguy hiểm, bạn nên đóng gói và chất các vật liệu một cách an toàn phù hợp và để một bảng hiệu cho biết là các chất nguy hiểm đang được chở.

Tránh đỗ xe ở những nơi nguy hiểm hoặc dễ bị hư hại và chú ý trông coi chất nguy hiểm.

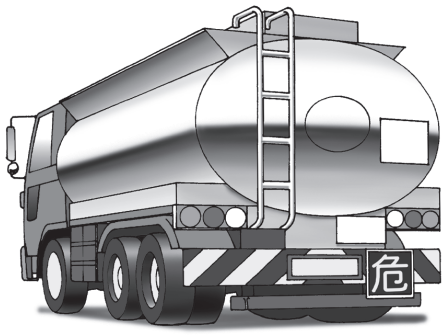

Đánh Giá

Đánh dấu đúng hay sai cho từng phát biểu sau đây để kiểm tra mức độ hiểu của bạn về phần trước.

1. Hàng hóa không được chất lên ghế ngồi của một chiếc xe chở khách thông thường.
2. Số lượng người tối thiểu cần thiết để chất và dỡ hàng hóa được phép ngồi trong thùng xe tải.
3. Khi chở hàng hóa trên xe máy cỡ lớn, xe máy thông thường hoặc xe đạp máy bình thông, hàng hóa có thể nhô ra xa hơn 0,3 m so với cả bên trái và bên phải của thiết bị chuyên chở.
4. Đối với tất cả các phương tiện cơ giới thông thường, hàng hóa có thể được chất lên đến độ cao 3,8 m tính từ mặt đất.

▶ ▶ ▶ Các câu trả lời đúng được ghi ở trang cuối của cuốn sách.

OPEN SESAME !!

Back | Forward | Home | Refresh | Images | Open | Print | Search | Stop | Giai Đoạn 2 – Bài Học 12

Về hình ảnh ở trang 283…

Quan Điểm

Ví dụ, sự xuất hiện của một người trưởng thành nặng 55 kg vượt quá sức chứa có thể gây nguy hiểm chết người.

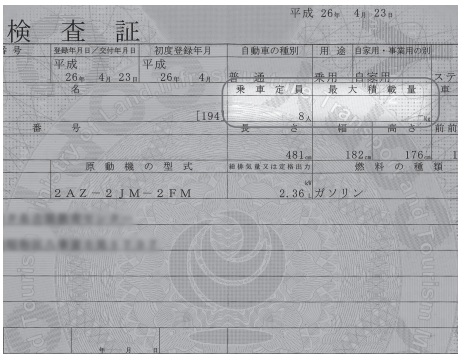

Sức chứa và công suất tải thay đổi tùy theo phương tiện do mối liên hệ giữa độ ăn phanh, độ ổn định trên các đường cua và các yếu tố về an toàn và hiệu suất khác. Do đó, bạn không nên đoán sức chứa của xe hoặc tải trọng hàng hóa cũng như cho rằng nhiều trẻ em có thể đi xe vì chúng nhỏ. Đặc biệt đối với những chiếc xe bạn lái thường xuyên, hãy kiểm tra dữ liệu số thực tế được ghi trên giấy chứng nhận kiểm định ô tô.

TIẾP THEO

1 Đăng Ký Ô Tô (Thông Báo) và Kiểm Định

Luật RTV 4, 19, 73, 97-3

1 Đăng Ký Ô Tô

Ô tô (không bao gồm thiết bị chuyên dụng hạng nhẹ và xe máy thông thường có dung tích động cơ từ 125 cc trở xuống hoặc công suất động cơ định mức từ 1,00 kW trở xuống) phải được **đăng ký** (bằng **thông báo**) và mang **biển số** (biển số xe). Ngoài ra, xe đạp máy phải được đăng ký và có biển số nhận dạng (biển số xe).

Biển Số của Xe Bốn Bánh

Trên 660 cc		Từ 660 cc trở xuống	
Sử dụng cá nhân	Sử dụng thương mại	Sử dụng cá nhân	Sử dụng thương mại

Biển Số của Xe Hai Bánh

Trên 250 cc		Trên 125 cc, từ 250 cc trở xuống	
Sử dụng cá nhân	Sử dụng thương mại	Sử dụng cá nhân	Sử dụng thương mại

Lưu ý: Thiết bị chuyên dụng hạng nhẹ, xe máy thông thường có dung tích động cơ từ 125 cc trở xuống hoặc công suất động cơ định mức từ 1,00 kW trở xuống và xe đạp máy phải tuân theo các quy định khác nhau.

Điểm

Số Hạng Biển Số và Loại Ô Tô

Các biển số dành cho xe bốn bánh được phân loại như sau, theo loại ô tô.

Số Hạng Biển Số	Phân Loại Ô Tô
1,10-19,100-199,10A-19Z,1A0-1Z9,1AA-1ZZ	Xe tải (trên 2000cc)
2,20-29,200-299,20A-29Z,2A0-2Z9,2AA-2ZZ	Xe chở khách có sức chứa từ 11 hành khách trở lên
3,30-39,300-399,30A-39Z,3A0-3Z9,3AA-3ZZ	Xe chở khách có sức chứa từ 10 hành khách trở xuống (trên 2000cc)
4,40-49,400-499,40A-49Z,4A0-4Z9,4AA-4ZZ	Xe tải (trên 660cc đến 2000cc trở xuống)
6,60-69,600-699,60A-69Z,6A0-6Z9,6AA-6ZZ	
40-49,400-499,600-699,40A-49Z,60A-69Z,4A0-4Z9, 6A0-6Z9,4AA-4ZZ,6AA-6ZZ	Xe tải (trên 50cc, từ 660cc trở xuống)
5,50-59,500-599,50A-59Z,5A0-5Z9,5AA-5ZZ	Xe chở khách (trên 660cc đến 2000cc trở xuống)
7,70-79,700-799,70A-79Z,7A0-7Z9,7AA-7ZZ	
50-59,500-599,700-799,50A-59Z,70A-79Z,5A0-5Z9, 7A0-7Z9,5AA-5ZZ,7AA-7ZZ	Xe chở khách (trên 50cc, từ 660cc trở xuống)
8,80-89,800-899,80A-89Z,8A0-8Z9,8AA-8ZZ	Xe chuyên dụng (xe phun nước, xe quảng cáo, xe thực hành tại trường lái xe, xe tang, v.v.)
9,90-99,900-999,90A-99Z,9A0-9Z9,9AA-9ZZ	Thiết bị hạng nặng đặc biệt
0,00-09,000-099,00A-09Z,0A0-0Z9,0AA-0ZZ	Thiết bị hạng nặng đặc biệt (thiết bị cho kiến trúc)

Lưu ý: Những hạng mục này có thể không áp dụng cho bạn tùy thuộc vào kích thước phương tiện của bạn. Xe máy cỡ lớn và xe máy thông thường (trên 250cc) không có số hạng. Số hạng đối với xe máy thông thường trên 125cc và từ 250cc trở xuống bắt đầu bằng số “1”.

2 Kiểm Định Ô Tô

Luật RTV 58, 61, 62, 66
Quy Định Thi Hành Luật RTV 37-3

(1) Nhiệm Vụ Đưa Ô Tô Đi Kiểm Định

Mỗi ô tô (không bao gồm ô tô nhỏ gọn, được loại trừ không phải kiểm định[1] và thiết bị chuyên dụng hạng nhẹ) phải trải qua kiểm định an toàn bắt buộc ("độ rung lắc") sau mỗi khoảng thời gian cố định và phải nhận được **giấy chứng nhận kiểm định phương tiện cơ giới** trước khi có thể lái.

Điểm

Thời Gian Kiểm Định (Độ Rung Lắc) -- Phương tiện chính --

Ô tô được kiểm định hàng năm	Ô tô được kiểm định hai năm một lần
● Sử dụng thương mại Ô tô (không bao gồm các loại xe có tổng dung tích từ 660cc trở xuống và xe máy cỡ lớn và xe máy thông thường) ● Sử dụng cá nhân ①Xe tải thông thường (không bao gồm xe từ 660cc trở xuống) ②Ô tô chở khách có sức chứa từ 11 hành khách trở lên ● Xe cho thuê (không bao gồm xe từ 660cc trở xuống)	● Sử dụng cá nhân ①Ô tô chở khách có sức chứa từ 10 hành khách trở xuống ②Xe tải thông thường từ 660cc trở xuống ③Xe máy cỡ lớn ④Xe máy thông thường (không bao gồm xe từ 250cc trở xuống) ● Xe cho thuê (từ 660cc trở xuống)

Lưu ý: Trong số những chiếc ô tô được kiểm định hai năm một lần, lần kiểm tra bắt buộc đầu tiên là vào năm thứ ba đối với xe máy mới và ô tô chở khách tư nhân (giới hạn tổng trọng lượng dưới 8 tấn).

(2) Nhãn Dán Kiểm Định

Khi một chiếc ô tô vượt qua đợt kiểm định, chiếc ô tô đó sẽ được cấp giấy chứng nhận kiểm định phương tiện và nhãn dán kiểm định. **Nhãn dán kiểm định** phải được hiển thị bằng cách dán vào mặt trong của kính chắn gió phía trước[2] để có thể dễ dàng nhìn thấy từ phía trước và từ ghế lái.

Nhãn dán kiểm định cho biết **tháng** (và năm) **kiểm định tiếp theo**.

Nhãn Dán Kiểm Định dành cho Xe Bốn Bánh (lớn hơn 660cc) và Xe Hai Bánh

Nhãn Dán Kiểm Định dành cho Phương Tiện Cơ Giới Thông Thường Từ 660cc Trở Xuống

"5" biểu thị năm hết hạn giấy chứng nhận kiểm định và số "11" biểu thị tháng trong nhãn dán kiểm định.

*1
Ô tô nhỏ gọn không cần kiểm định...
Đề cập đến xe máy có dung tích động cơ từ 250 cc trở xuống và các phương tiện có dung tích động cơ từ 660 cc trở xuống sử dụng bánh xích hoặc bánh di chuyển trên tuyết.

*2
Xe hai bánh, v.v .
Đối với các phương tiện không có buồng lái hoặc kính chắn gió phía trước, chẳng hạn như xe máy cỡ lớn và thông thường, biểu tượng phải được dán vào biển số xe ở phía sau xe, ở góc trên bên trái để có thể dễ dàng nhìn thấy.

Gợi Ý Nhanh

Nhãn Dán Bảo Hiểm
Các ô tô nhỏ gọn không cần kiểm định và xe đạp máy được yêu cầu phải hiển thị "nhãn dán bảo hiểm" cho thấy rằng phương tiện được đài thọ bởi bảo hiểm trách nhiệm bắt buộc của chủ xe ô tô.

Lưu ý:
Màu sắc của nhãn dán này thay đổi từ năm này sang năm khác theo thứ tự sau: xanh dương, cam, tím, vàng-lục, đỏ, vàng, xanh lục.

3 Giấy Chứng Nhận Kiểm Định Phương Tiện Cơ Giới và Giấy Chứng Nhận Bảo Hiểm Trách Nhiệm Bắt Buộc Của Chủ Xe Ô Tô

Luật RTV 66 I
Luật MVDI 8, 9-5

Ô tô yêu cầu kiểm định phải có **giấy chứng nhận kiểm định phương tiện cơ giới hợp lệ** và **giấy chứng nhận bảo hiểm trách nhiệm bắt buộc của chủ xe ô tô** (CALI hoặc "jibaiseki hoken") hoặc **giấy chứng nhận bảo hiểm hệ thống hỗ trợ lẫn nhau** ("sekinin kyosai")[3].

Ô tô không được kiểm định và xe đạp máy không được lái nếu không có bảo hiểm trách nhiệm bắt buộc của chủ xe ô tô hoặc giấy chứng nhận bảo hiểm hệ thống hỗ trợ lẫn nhau.

Trước khi lái xe ô tô hoặc xe đạp máy, hãy xác nhận rằng phương tiện được đài thọ bởi bảo hiểm đó và thời hạn hiệu lực chưa hết hạn.

*3
Hệ thống hỗ trợ lẫn nhau...
Đề cập đến hỗ trợ lẫn nhau về trách nhiệm pháp lý bắt buộc của ô tô, phục vụ cùng một mục đích như bảo hiểm trách nhiệm bắt buộc của chủ xe ô tô và được cung cấp bởi các tổ chức như hiệp hội nông nghiệp và hợp tác xã tiêu dùng.

1 Các Phương Tiện Bị Cấm Sử Dụng trên Đường Cao Tốc

1 Đường Cao Tốc Là Gì?

Thuật ngữ "**đường cao tốc**" được sử dụng để chỉ tập hợp cả **đường cao tốc quốc gia** và **đường ô tô**.

Đường cao tốc được tách biệt với đường thông thường và được thiết kế với các đặc điểm như giao lộ đa cấp và đường cua rộng cho phép người lái xe đi an toàn ở tốc độ cao, miễn là họ tuân thủ quy tắc và quy ước giao thông.

Tuy nhiên, trên đường cao tốc, việc không tuân thủ luật lệ giao thông hoặc thậm chí chỉ hơi bất cẩn, chẳng hạn như không chú ý đến đường, có thể dẫn đến tai nạn nghiêm trọng.

Điều quan trọng là phải nắm chắc các quy tắc và quy ước giao thông áp dụng cho đường cao tốc, chẳng hạn như giới hạn tốc độ và cách lái xe, để đảm bảo an toàn khi bạn lái xe trên đường cao tốc.

Gợi Ý Nhanh

Nút giao

Những cấu trúc nối giữa đường thông thường và đường cao tốc gọi là nút giao (IC). Nút giao có chức năng như lối vào và lối ra đường cao tốc, và có đoạn đường vào và ra khỏi đường cao tốc, cổng thu phí, v.v. Các cấu trúc nối giữa hai đường cao tốc được gọi là điểm giao (JCT).

Luật Đường Cao Tốc 17 Luật Đường Bộ 48-11

2 Các Phương Tiện Bị Cấm Sử Dụng trên Đường Cao Tốc

Ô tô con, xe máy thông thường có dung tích động cơ từ 125 cc trở xuống hoặc công suất động cơ định mức từ 1,00 kW trở xuống[1], và xe đạp máy bình thông, đều bị cấm sử dụng đường cao tốc quốc gia và đường ô tô.

Ngoài ra, ô tô mà không thể đi với tốc độ tối thiểu là 50 km/giờ, chẳng hạn như thiết bị nông nghiệp và ô tô mà không thể đi với tốc độ tối thiểu 50 km/giờ do chúng đang kéo các phương tiện khác, đều bị cấm lái xe trên đường cao tốc quốc gia. (Ô tô có cấu trúc và thiết bị được thiết kế để kéo, đẩy các phương tiện có cấu trúc và thiết bị được thiết kế tương thích để được kéo, được phép sử dụng đường cao tốc quốc gia.)

*1
Xe máy thông thường với dung tích xi lanh của động cơ từ 125 cc trở xuống hoặc công suất động cơ định mức từ 1,00 kW trở xuống được gọi là xe cơ giới hai bánh.

Các Phương Tiện Bị Cấm Sử Dụng Đường Cao Tốc Quốc Gia và Đường Ô Tô

Loại Đường \ Loại Phương Tiện		Ô Tô Con	Xe Máy Thông Thường có Dung Tích từ 125 cc Trở Xuống hoặc Công Suất Động Cơ Định Mức từ 1,00 kW Trở Xuống	Xe Đạp Máy Bình Thông	Thiết Bị Hạng Nhẹ Đặc Biệt	Xe Kéo Các Phương Tiện Bị Hỏng
Đường Cao Tốc	Đường Cao Tốc Quốc Gia	Không Được Phép	Không Được Phép	Không Được Phép	Không Được Phép	Không Được Phép
	Đường Ô Tô	Không Được Phép	Không Được Phép	Không Được Phép	Được Phép	Được Phép